

BÀI 2. NHỮNG CUNG BẠC TÂM TRẠNG

A. MỤC TIÊU

Bài học góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất sau cho HS:
VỀ NĂNG LỰC

1. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.
- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh và điệp vần.
- Viết được VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó.
- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)
Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau; hình thành được ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho.

VỀ PHẨM CHẤT

Yêu thương, đồng cảm với con người và trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

- Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác, đóng vai,...
- Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ BÀI HỌC

Mục tiêu

HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, trả lời câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học, nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài.	HS nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học.	Chủ đề bài học Những cung bậc tâm trạng: Con người luôn mang trong mình những nỗi niềm, khát vọng riêng tư. Những cung bậc tâm trạng ấy có thể được gửi gắm vào thơ, để lại cho người đọc nhiều xúc cảm và suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc sống. Thể loại VB đọc chính: thơ song thất lục bát.

BUỔI TIẾP ĐUA

(Trích “ Chinh phụ ngâm”- Đặng Trần Côn- Đoàn Thị Điểm)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức về lịch sử và cuộc sống để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

HD của GV	HD của HS	Sản phẩm cần đạt
<p>GV yêu cầu HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu và giới thiệu ngắn gọn về một cuộc chiến đã xảy ra trên đất nước ta trong khoảng đầu thế kỉ XVIII. <p>Nêu sự khác biệt giữa các cuộc tiền đưa trong chiến tranh và trong hoàn cảnh bình thường của cuộc sống.</p>	<p>HS trình bày hiểu biết về một cuộc chiến đã xảy ra trên đất nước ta trong khoảng đầu thế kỉ XVIII, sau đó suy nghĩ, thảo luận nhóm về sự khác biệt giữa các cuộc tiền đưa trong chiến tranh và trong hoàn cảnh bình thường của cuộc sống.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nêu và giới thiệu ngắn gọn về một cuộc chiến đã xảy ra trên đất nước ta trong khoảng đầu thế kỉ XVIII. Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> + Trịnh – Nguyễn phân tranh: phân chia lãnh thổ giữa chế độ “vua Lê chúa Trịnh” ở phía bắc sông Gianh (Đàng Ngoài) và chúa Nguyễn cai trị ở phía nam (Đàng Trong), mở đầu khi Trịnh Tráng đem quân đánh Nguyễn Phúc Nguyên năm 1627 và kết thúc vào năm 1777 khi chúa Nguyễn sụp đổ. + Khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng (1737) ở Sơn Tây. + Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương (1740 – 1751) ở khu vực nay thuộc các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ. + Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu (1741 – 1751) xuất phát từ Đồ Sơn (Hải Phòng), di chuyển lên Kinh Bắc (Bắc Giang, Bắc Ninh), uy hiếp kinh thành Thăng Long rồi xuống Sơn Nam, vào Thanh Hoá, Nghệ An. + Khởi nghĩa Hoàng Công Chất (1739 – 1769) trên địa bàn trấn Sơn Nam. <p>Hình dung sự khác biệt của hai bối cảnh xã hội đặt ra những vấn đề/ nguy cơ khác nhau thế nào đối với người lên đường.</p>

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu – HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát được thể hiện trong đoạn trích *Nỗi niềm chinh phụ*.

HS nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

HS nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	HD của HS	Sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ 1, 2 trong phiếu học tập số 1 (đã thực hiện ở nhà). <p>GV mời HS trình bày ngắn gọn thông tin giới</p>	<ul style="list-style-type: none"> HS trao đổi cặp đôi và trình bày kết quả thảo luận. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Khám phá tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> Tìm được các từ ngữ phù hợp trong ma trận để điền vào chỗ trống a. (1) <i>thể thơ</i>; (2) <i>dân tộc</i>; (3) <i>cổ định</i>; (4) <i>biến thể</i> b. (5) <i>vần lưng</i>; (6) <i>vần chân</i>; (7) <i>vần lưng</i>; (8) <i>vần chân</i> Xác định được những chi tiết không chính xác về vị trí các thanh bằng (B) và trắc (T) trong bảng đã

<p>thiệu về tác giả Đặng Trần Côn, dịch giả Đoàn Thị Điểm (?) (HS đã chuẩn bị ở nhà, nhiệm vụ 3 trong phiếu học tập số 1).</p> <p>– GV hỏi: Em dự định sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu VB thơ <i>Nỗi niềm chinh phụ</i>?</p>	<p>HS trình bày vài nét thông tin về tác giả và dịch giả.</p>	<p>cho và sửa lại để được bảng đánh dấu đúng về thanh điệu của thể thơ song thất lục bát.</p> <p>2. Tác giả Đặng Trần Côn, dịch giả Đoàn Thị Điểm (?)</p> <p>– Đặng Trần Côn sống vào khoảng đầu thế kỉ XVIII, quê ở làng Nhân Mục (còn gọi là làng Mọc), nay thuộc Hà Nội. Tác phẩm của ông thường chú trọng thể hiện những tình cảm riêng tư, những nỗi niềm trắc ẩn của con người. Ngoài <i>Chinh phụ ngâm khúc</i>, một số sáng tác khác của ông hiện còn được lưu lại như <i>Tiêu Tương bát cảnh</i>, ba bài phú <i>Trương Hàn tư thuần lộ</i>, <i>Trương Lương bố ý</i>, <i>Khẩu môn thanh</i>,...</p> <p>– Đoàn Thị Điểm (1705 – 1748) hiệu là Hồng Hà nữ sĩ, quê ở tỉnh Hưng Yên. Bản dịch <i>Chinh phụ ngâm</i> nổi tiếng hiện đang lưu hành được nhiều học giả khẳng định là của nữ sĩ.</p> <p>3. Định hướng cách đọc hiểu thơ song thất lục bát</p> <p>Khi đọc tác phẩm thơ song thất lục bát, cần xác định và phân tích một số yếu tố về thi luật như vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; xác định và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB; chỉ ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật của tác phẩm, tìm chủ đề của VB,...</p>
<p>– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ 1.a trong phiếu học tập số 2.</p> <p>GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ 1.b trong phiếu học tập số 2.</p>	<p>– HS trả lời câu hỏi, thảo luận, góp ý.</p> <p>HS trình bày nhiệm vụ 1.a trong phiếu học tập số 2.</p> <p>– HS trình bày nhiệm vụ 1.b trong phiếu học tập số 2.</p>	<p>II. Khám phá VB</p> <p>1. Tìm hiểu một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong VB</p> <p><i>Số tiếng trong mỗi câu thơ</i></p> <p>HS cần chỉ rõ đâu là cặp câu 7 tiếng (song thất), đâu là câu 6 và 8 tiếng (lục bát).</p> <p>a. Vần</p> <p>HS chỉ rõ vần đã được gieo ở những tiếng nào, tiếng đó ở vị trí nào (chữ thứ mấy trong câu thơ), vần đó được gọi là vần lưng (yêu vận) hay vần chân (cước vận).</p> <p><i>Tiếng dịch thời nghe chùng đồng vọng, Hàng cò bay trông bóng phát phơ.</i></p> <p><i>Dấu chàng theo lớp mây đưa, Thiếp nhìn rặng núi ngàn ngơ nổi nhà.</i></p> <p>Lưu ý: chữ <i>chùng</i> (vần ung, gần âm với vần ăng) hiệp vần với <i>chăng</i> ở cuối câu thơ liền trước (<i>Liều dương biết thiếp đoạn trường này chăng</i>); chữ <i>nhà</i> (vần a) hiệp vần với <i>xa</i> ở chữ thứ 5 của câu thơ liền sau (<i>Chàng thì đi cõi xa mưa gió</i>); các vần gieo ở giữa câu thơ là vần lưng (yêu vận): <i>chùng</i>, <i>bóng</i>, <i>ngơ</i>; ở cuối câu thơ là vần chân (cước vận):</p>

		<i>vọng, phơ, đưa, nhà.</i>
GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ 1.c trong phiếu học tập số 2. GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 2.	HS trình bày nhiệm vụ 1.c trong phiếu học tập số 2 HS làm việc theo cặp để trả lời câu hỏi.	<p><i>c. Thanh điệu</i></p> <p>– HS cần xác định các thanh bằng (B) – trắc (T) ở một số vị trí tiếng trong câu thơ khớp với sơ đồ thanh điệu đã cung cấp trong SGK, phần <i>Tri thức ngữ văn</i>, cụ thể là vị trí tiếng. <i>Tiếng dịch thoai nghe chùng (B) đồng vọng (T), Hàng cò bay (B) trông bóng (T) phát phơ (B). Dấu chàng (B) theo lớp (T) mây đưa (B), Thiếp nhìn (B) rặng núi (T) ngấn ngơ (B) nổi nhà (B).</i></p> <p><i>d. Nhịp</i></p> <p>– Với trường hợp bốn câu thơ đã cho, HS có thể đề xuất những phương án khác nhau, nhưng phải chỉ ra được tác dụng của cách ngắt nhịp mình lựa chọn. Có thể tham khảo một số cách ngắt nhịp sau:</p> <p>– Phương án 1:</p> <p><i>Chốn Hàm Kinh/ chàng còn ngoảnh lại, (3/4)</i> <i>Bến Tiêu Tương/ thiếp hãy trông sang. (3/4)</i> <i>Khói Tiêu Tương/ cách Hàm Dương, (3/3) Cây</i> <i>Hàm Dương/ cách Tiêu Tương mấy trùng. (3/5)</i></p> <p>Cách ngắt nhịp này đảm bảo được tính liên kết của từ ngữ, tạo nhịp điệu đều đặn, dàn trải, đem lại cảm xúc về một nỗi buồn man mác, mênh mang.</p> <p>– Phương án 2:</p> <p><i>Chốn Hàm Kinh/ chàng/ còn ngoảnh lại, (3/1/3)</i> <i>Bến Tiêu Tương/ thiếp/ hãy trông sang. (3/1/3)</i> <i>Khói Tiêu Tương/ cách/ Hàm Dương, (3/1/2)</i> <i>Cây Hàm Dương/ cách/ Tiêu Tương mấy</i> <i>trùng. (3/1/4)</i></p> <p>Việc nhấn mạnh vào một số từ (bằng cách tách nhịp riêng) giúp người đọc cảm nhận rõ hơn những chi tiết cần quan tâm.</p>
GV chia lớp học thành 2 nhóm lớn để tìm hiểu 2 phần của đoạn trích. GV sử dụng kỹ thuật mảnh ghép với 2 vòng sau (sử dụng phiếu học tập số 3 và 4): + <i>Vòng 1: Vòng chuyên gia.</i> Mỗi nhóm tìm hiểu nỗi niềm của người chinh phụ ở từng	– HS thảo luận nhóm, thực hiện phiếu học tập số 3, 4. HS trình	<p>Việc ngắt riêng một âm tiết không chỉ giúp tạo điểm nhấn, mà còn thể hiện nỗi niềm day dứt, trăn trở của người chinh phụ.</p> <p><i>Lưu ý:</i> Cách ngắt nhịp này không tuân thủ cách ngắt nhịp thường thấy khi đọc thơ song thất lục bát.</p> <p>2. Tìm hiểu tâm trạng, nỗi niềm của nhân vật người chinh phụ</p> <p>Chỉ ra những cung bậc khác nhau trong tình cảm của nhân vật người chinh phụ ở hai thời điểm:</p> <p>– Nỗi niềm người chinh phụ lúc vừa chia li người chinh phụ: lưu luyến, thoáng buồn.</p>

<p>phần theo gợi ý sau: <i>Nhóm 1:</i> Đọc đoạn thơ “Tiếng nhạc ngựa... nổi nhà” và trả lời các câu hỏi sau: Ở phần đầu đoạn trích, âm thanh và không gian được miêu tả như thế nào? Em hiểu như thế nào về hai câu thơ “Dấu chàng... ngân ngơ nổi nhà”? Qua đó, đoạn thơ thể hiện tâm trạng gì của người chinh phụ?</p> <p><i>Nhóm 2:</i> Đọc đoạn thơ “Chàng thì đi cõi xa... ai sầu hơn ai?” và trả lời các câu hỏi sau:</p>	<p>bày kết quả thảo luận, đưa ra nhận xét. HS trình bày kết quả thảo luận, đưa ra nhận xét.</p>	<p>+ Hình ảnh “Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống” và “Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay”: âm thanh nhạc ngựa và tiếng trống gợi nên sự hồi hã, khẩn trương lúc người chinh phụ lên đường ra trận, khiến cho khoảnh khắc gặp gỡ trở nên ngắn ngủi, vội vã => khoảnh khắc chia li đón đau, chóng vánh. + “Dấu chàng theo lớp mây đưa / Thiếp nhìn rằng núi ngân ngơ nổi nhà” miêu tả sự mơ hồ, xa xăm của hình ảnh người chồng đi xa, để lại nỗi nhớ nhung vô bờ trong tâm hồn người ở lại => Thể hiện sự trông ngóng, đợi chờ, sự luyến tiếc, nhớ thương giữa chàng và thiếp trong xa cách. - Nỗi niềm người chinh phụ khi một mình trở về nhà: lo lắng, sầu muộn, đón đau khôn tả. Nỗi buồn cô đơn, sự thương nhớ triền miên không dứt.</p>
<p>Hình ảnh “chàng” và “thiếp” được miêu tả trong đoạn thơ như thế nào? Em hiểu như thế nào về hai câu thơ “Khói Tiêu Tương... cách Tiêu Tương mấy trùng”? Câu hỏi tu từ ở cuối đoạn trích có tác dụng gì?</p> <p>+ <i>Vòng 2: Vòng mạnh ghép.</i> Mỗi 3 người ở nhóm 1 ghép với 3 người ở nhóm 2, tạo thành các nhóm mạnh ghép, thực hiện nhiệm vụ sau: Nhận xét về sự biến đổi tâm trạng của nhân vật người chinh phụ lúc vừa chia li người chinh phụ và lúc trở về nhà. - GV yêu cầu đại diện các nhóm lần lượt trình bày kết quả làm việc và nhận xét, phản hồi lẫn nhau. - GV nhận xét, bổ</p>	<p>HS làm việc theo cặp và trả lời những câu hỏi theo gợi dẫn</p>	<p>+ “Chàng thì đi cõi xa mưa gió”: sự lo lắng của người vợ về những khó khăn, nguy hiểm mà người chồng có thể phải đối mặt ở phương xa, nơi mưa gió bão bùng => lo lắng, bất an. + “Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn”: sự trống trải, cô đơn khi người chinh phụ trở về căn nhà vắng lặng => cô đơn, trống trải. + “Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương / Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng”: sự cách xa ngàn trùng giữa hai người và nỗi sầu chia li dằng dặc, mức độ tăng tiến dần. + “Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?": câu hỏi tu từ, nhấn mạnh sự đồng cảm và chia sẻ nỗi đau giữa người chồng và người vợ, dù họ phải chịu đựng nỗi nhớ nhung và lo lắng trong những hoàn cảnh khác nhau. => Nhận xét chung: Nỗi sầu của nhân vật ngày càng tăng lên, để rồi dâng lên đến đỉnh điểm ở câu thơ cuối. 3. Tìm hiểu một số nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm * Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật đặc sắc: – Phép đối: Ví dụ: <i>Chàng thì đi cõi xa mưa gió, Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn</i> Phép đối có tác dụng nhấn mạnh sự chia lìa, những khó khăn của người chinh phụ và người chinh phụ khi không được gần bên nhau.</p>

<p>sung, chót lại kiến thức cơ bản về tâm trạng của nhân vật.</p> <p>GV cho HS làm việc theo cặp để chỉ ra những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm dựa trên những gợi dẫn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nổi bật nào? Em hãy nêu một số ví dụ và phân tích tác dụng của việc sử dụng những biện pháp tu từ trong các trường hợp đó Chỉ ra đặc điểm ngôn ngữ của đoạn trích. + Theo em, nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật ở đoạn trích có gì đặc sắc? + Việc kết hợp các yếu tố văn hoá trong đoạn trích có tác dụng gì? - Gọi một vài HS đại diện trình bày và nhận xét, phản hồi. <p>GV tổ chức cho HS đọc diễn cảm đoạn trích một lần nữa rồi tự tổng kết bài học với 2 nội dung: chủ đề, nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích.</p>	<p><i>Tuôn màu mây biếc, trái ngan núi xanh</i> Hai vế tiểu đối khắc hoạ sự chia xa của người chinh phu và người chinh phụ. Phép đối có tác dụng nhấn mạnh khoảng cách chia lìa, mỗi lúc một xa nhau hơn giữa hai người.</p> <p><i>Chốn Hàm Kinh chàng còn ngoảnh lại, Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.</i></p> <p>Hai câu thơ miêu tả người chinh phu và chinh phụ ở hai không gian cách biệt nhưng vẫn luôn hướng về nhau. Phép đối có tác dụng nhấn mạnh tình cảm quyến luyến, yêu thương gắn bó.</p> <p>- Biện pháp tu từ điệp ngữ:</p> <p>Ví dụ: <i>Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy, Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu Ngàn dâu xanh ngắt một màu, Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?</i></p> <p>Điệp ngữ thể hiện ở các từ “cùng”, “thấy”, “ngàn dâu”, “ai”, đặc biệt là phép điệp liên hoàn (điệp ngữ vòng). Tác dụng: diễn tả sự đồng điệu trong xúc cảm của cả hai người, tâm trí hai người cùng hướng về nhau, với cảm xúc trào dâng mãnh liệt.</p> <p>* Sử dụng nhiều hình ảnh mang tính ước lệ, tượng trưng, giàu sức gợi</p> <p>Ví dụ: <i>Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu Ngàn dâu xanh ngắt một màu</i></p> <p>Hình ảnh ẩn dụ ngàn dâu xanh: “xanh xanh những mấy ngàn dâu”, “ngàn dâu xanh ngắt”. Đây là hình ảnh vừa có màu sắc tả thực (khung cảnh thiên nhiên trong buổi đưa tiễn) vừa có tính tượng trưng (ngàn dâu xanh là một hình ảnh ước lệ). Tác dụng: khắc hoạ tâm trạng đầy mâu thuẫn, cảnh ngộ đầy trớ trêu của người chinh phụ.</p> <p>* Ngôn ngữ: giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, thể hiện sự tinh tế của nhà thơ khi miêu tả tâm trạng và nỗi niềm của nhân vật.</p> <p>* Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: Cách xưng hô “thiếp – chàng” thể hiện sự kính trọng, gắn bó sâu đậm; sự tương phản giữa không gian ra trận khắc nghiệt (“cối xa mưa gió”) và không gian vắng lặng, đơn chiếc (“buồng cũ chiếu chần”) tạo nên sự cách biệt về không gian ngàn trùng, từ đó thấy được sự đau đớn, nỗi nhớ nhung và sự lo lắng của người vợ.</p> <p>III. Tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề: Tâm trạng và nỗi niềm của nhân vật người chinh phụ trong hoàn cảnh chia li, qua đó phản ánh những mất mát do chiến tranh gây ra. - Nét đặc sắc nghệ thuật: Ngôn ngữ giàu cảm xúc, được chọn lọc tinh tế; hình ảnh giàu sức
--	--

		gợi; nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật đặc sắc.
--	--	---

Hoạt động 3. Luyện tập**Mục tiêu**

Củng cố kiến thức về VB *Nỗi niềm chinh phụ*, kỹ năng đọc hiểu thơ song thất lục bát.

Nội dung hoạt động

HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB thơ song thất lục bát; thực hành viết kết nối với đọc.

Tổ chức thực hiện

GV cho HS nêu cách đọc hiểu thơ song thất lục bát.	HS trả lời câu hỏi.	Cách đọc hiểu thơ song thất lục bát: xác định và phân tích một số yếu tố về thi luật như vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; xác định và phân tích tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB; chỉ ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật của tác phẩm, tìm chủ đề của VB,.....
GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ Viết kết nối với đọc trong SGK, tr. 44.	HS viết đoạn văn Và trình bày đoạn văn	Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu về nội dung và hình thức. Có thể theo gợi ý sau: - Mở đoạn (viết trong 1 câu): Giới thiệu ngắn gọn bối cảnh tâm trạng của người chinh phụ. Thân đoạn (viết trong khoảng 5 – 7 câu): Người chinh phụ lo lắng cho người chinh phụ phải vất vả xông pha chốn xa trường. Người chinh phụ tủi buồn khi phải cô đơn trong căn buồng của hai vợ chồng. Mới chia tay thôi nhưng người chinh phụ đã cảm thấy khắc khoải nhớ mong, cảm giác như giữa hai người đã muôn trùng cách biệt. Kết đoạn (viết trong 1 câu): Khái quát tâm trạng chủ đạo của người chinh phụ thể hiện trong 4 câu thơ.

Hoạt động 4. Vận dụng**Mục tiêu**

HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

Nội dung hoạt động

HS làm một sản phẩm (làm thơ, vẽ tranh, làm thiệp, bưu thiếp, viết thư,...) gửi đến người thân yêu để thể hiện sự trân trọng thời gian được ở bên họ.

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau: Làm một sản phẩm (làm thơ, vẽ tranh, làm thiệp, bưu thiếp, viết thư,...) gửi đến người thân yêu để thể hiện sự trân trọng thời gian được ở bên họ.	HS làm sản phẩm ở nhà.	Sản phẩm HS gửi đến người thân của mình.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 2: NHỮNG CUNG BẬC TÂM TRẠNG

TIẾT: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: BIỆN PHÁP TU TỪ CHƠI CHỮ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

I. Mục tiêu:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù: Giúp HS:

- Hiểu, nắm vững được đặc điểm của biện pháp tu từ chơi chữ, những lỗi chơi chữ thường gặp, mục đích của việc sử dụng chơi chữ trong ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ văn học.
- Nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp tu từ chơi chữ, các lỗi chơi chữ một cách phù hợp.

1.2. Năng lực chung:

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

2. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị:

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

2. Học liệu:

- Sơ đồ các đoạn văn thơ đặc sắc có dùng biện pháp tu từ chơi chữ.
- Phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS tạo tâm thế hào hứng, kết nối tri thức để bước vào bài học.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn: gv chia lớp 2 nhóm (quy định thời gian, nhóm trưởng, thư ký) cùng giải quyết phiếu học tập số 1:

Cho hai ví dụ sau:	Em hiểu nghĩa của các từ đồng âm được gạch chân trong hai ví dụ trên như thế nào?
Ví dụ 1: Con kiến <u>bò</u> đĩa thịt <u>bò</u> . Ví dụ 2: <u>Bác bác</u> trứng, <u>tôi tôi</u> voi.	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- + Hai nhóm thực hiện nhiệm vụ.
- + GV quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm.
- + GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- + Học sinh: tự đánh giá, nhận xét đánh giá lẫn nhau.
- + GV, chiếu đáp án, nhận xét, đánh giá.

Cho hai ví dụ sau:	Em hiểu nghĩa của các từ đồng âm được gạch chân trong hai ví dụ trên như thế nào?
Ví dụ 1: Con kiến <u>bò</u> đĩa thịt <u>bò</u> . Ví dụ 2: <u>Bác bác</u> trứng, <u>tôi tôi</u> voi.	Từ bò(1) là động từ, chỉ hoạt động di chuyển từ vị trí này sang vị trí khác. Từ bò(2) là danh từ chỉ một loại thực

	<p>phẩm.</p> <p>Bác(1) bác(2) trứng, tôi(1) tôi(2) vôi. Từ bác(1) là một từ dùng để xưng hô.</p> <p>Từ bác(2) là động từ, chỉ hành động làm trứng chín bằng cách đun nhỏ lửa và quấy cho đến khi sền sệt.</p> <p>Từ tôi(1) là từ cá nhân dùng để tự xưng với người ngang hàng.</p> <p>Từ tôi(2) là động từ, chỉ hành động đổ nước vào làm cho tan vôi sống.</p> <p>=> Các trường hợp trên là ví dụ của biện pháp tu từ chơi chữ.</p>
--	---

+ GV chốt vấn đề, dẫn dắt vào bài

Hoạt động 2: Khám phá kiến thức

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm và những lối chơi chữ thường gặp.

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết khái niệm và những lối chơi chữ thường gặp.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm cần đạt
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 40); đọc khung <i>Một số cách chơi chữ thường gặp</i> trong SGK (tr. 44 - 45) để thảo luận, vẽ sơ đồ tư duy. Lưu ý sơ đồ bao gồm các nội dung: khái niệm biện pháp tu từ chơi chữ và nhận diện một số cách chơi chữ thường gặp.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ Hai nhóm thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>+ GV quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm.</p> <p>+ GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <p>+ Học sinh: tự đánh giá, nhận xét đánh giá lẫn nhau.</p> <p>GV cùng HS vẽ sơ đồ, chốt lại kiến thức.</p>	<p>I. Biện pháp tu từ chơi chữ</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>Chơi chữ là biện pháp tu từ vận dụng các đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa hoặc quy tắc kết hợp từ ngữ một cách khéo léo, sáng tạo nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, thú vị cho người đọc (người nghe).</p> <p>2. Một số cách chơi chữ thường gặp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng từ đồng âm. - Dùng từ gần âm (trại âm). - Dùng lối điệp âm. - Dùng lối nói lái. - Dùng từ trái nghĩa. - Dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc cùng trường nghĩa.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức về biện pháp tu từ chơi chữ.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm cần đạt
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi: Rung chuông vàng với 3 vòng thi: vòng 1: Khởi động bài 1 phần a, b. Vòng 2: Tăng tốc: những phần còn lại bài 1. Vòng 3: về đích: giải quyết bài tập 2. - Giáo viên chia lớp thành 2 đội chơi. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hai nhóm thực hiện nhiệm vụ. + GV quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS trình bày sản phẩm. + GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh: tự đánh giá, nhận xét đánh giá lẫn nhau. + Gv đánh giá nhận xét, cộng điểm 3 vòng thi, tuyên bố đội thắng cuộc. 	<p>I. Luyện tập</p> <p>1. Bài tập 1</p> <p>a. Biện pháp dùng từ đồng âm: <i>chín</i> (1) là tính từ chỉ khả năng nắm chắc, tinh thông, kĩ lưỡng, đầy đủ mọi khía cạnh; <i>chín</i> (2) là danh từ chỉ số lớn nhất có một chữ số trong dãy số tự nhiên, tượng trưng cho ý nghĩa là nhiều. Tác dụng: làm phong phú cho tư duy (cùng một âm đọc nhưng có thể là những từ khác nhau, biểu thị các ý nghĩa khác nhau).</p> <p>b. Biện pháp dùng từ đồng âm kết hợp với đồng nghĩa: <i>phụ</i> là một yếu tố Hán Việt có nghĩa là cha, đồng âm với <i>phụ</i> trong từ đậu phụ; <i>mẫu</i> là một yếu tố Hán Việt có nghĩa là mẹ, đồng âm với <i>mẫu</i> trong từ ích mẫu. Tác dụng: vừa giúp làm phong phú tư duy (kiến thức về các yếu tố Hán Việt đồng âm), vừa tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (tên các thức bồi bổ cho cơ thể lại chứa yếu tố mang ý nghĩa gợi nhớ tới cha mẹ).</p> <p>c. Biện pháp dùng từ cùng trường nghĩa kết hợp từ đồng âm: <i>cáo</i> (con cáo) cùng trường nghĩa với <i>mèo</i> (con mèo) để chỉ những loài thú, đồng thời đồng âm với <i>cáo</i> trong từ <i>mắt cáo</i> (chỉ các lỗ trống được tạo ra bởi các nan đan lại với nhau của bờ gậy); <i>tôm</i> (con tôm) cùng trường nghĩa với <i>tép</i> (con tép) để chỉ những loài sống ở dưới nước, đồng thời đồng âm với <i>tôm</i> trong cụm từ <i>lòng tôm</i> (chỉ hình dáng lõm, võng xuống của lòng rổ). Tác dụng: vừa giúp làm phong phú tư duy (liên tưởng các từ gần âm trong cùng một trường nghĩa), vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói (tên các sự vật có âm gần với tên các con vật; sự vật đó được tạo ra để ngăn trở con vật nhưng lại không phát huy được công năng của nó: gậy rào mắt cáo (nan cài rất mau) mà không ngăn được mèo chui qua; rổ nức lòng tôm (lòng rổ nức rất sâu) mà vẫn không ngăn được tép nhảy ra ngoài). d. Biện pháp dùng kết hợp từ trái nghĩa với từ đồng âm: <i>bánh cả thúng</i> (ý nói là có nhiều bánh) nhưng tên sự vật là <i>bánh ít</i>, đồng âm với từ ít (trái nghĩa với <i>nhiều</i>); <i>trầu cả khay</i> (ý nói là có nhiều trầu) nhưng tên sự vật là <i>trầu không</i>, đồng âm với từ <i>không</i> (trái nghĩa với <i>có</i>). Tác dụng: vừa giúp làm phong phú tư duy (tương tự như trường hợp câu c), vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói (lời nói</p>

tưởng như vô lí mà thực ra là có lí).

e. Biện pháp dùng từ cùng trường nghĩa: các từ *nếp, xôi, gạo, com* đều là những danh từ có liên quan đến cây lúa.

Tác dụng: giúp tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (những sản vật của nền nông nghiệp lúa nước cùng được nhắc đến trong câu ca dao một cách thân thương).

g. Biện pháp dùng từ đồng âm: *đá* là động từ chỉ hành động dùng chân tác động lên một đối tượng nào đó, đồng âm với *đá* là danh từ chỉ một loại chất rắn tồn tại nhiều trong vỏ Trái Đất.

Tác dụng: vừa giúp làm phong phú tư duy (buộc người nghe phải suy nghĩ để hiểu lời nói đang diễn tả điều gì), vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói (lời nói thoát nghe khó hiểu, như một câu đố; nhưng khi nhận ra hiện tượng đồng âm thì lại thấy ý nghĩa rất giản dị).

h. Biện pháp dùng từ đồng âm kết hợp từ cùng trường nghĩa: các địa danh và nhân danh là *chợ Đồng Nai, Bến Nghé, anh Hươu* chứa các tiếng đồng âm với *hươu, nai, ghé* là những từ chỉ các loài động vật; các từ *hươu, nai, ghé, bò* cùng trường nghĩa, đều là những danh từ chỉ các loài động vật bốn chân.

Tác dụng: giúp tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (các địa danh có âm đọc gần với tên các loài vật). i. Biện pháp dùng lối nói lái: cá đối/ còi đá; mèo cái/ mái kèo.

Tác dụng: vừa giúp làm phong phú tư duy (lời nói khiến người nghe phải suy ngẫm lí do vì sao các con vật lại ở vị trí ấy), vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói (mối liên hệ thú vị giữa tên gọi các con vật với vị trí chúng hiện diện).

k. Biện pháp dùng từ đồng âm: từ *dầu* chỉ một loại nhiên liệu, đồng âm với từ *dầu* để chỉ một loại dược phẩm; từ *bắp* (còn gọi là ngô) chỉ một loại lương thực, đồng âm với từ *bắp* (trong bắp chuối) để chỉ hoa chuối khi các cánh còn cuộn tròn, chưa nở; từ *than* là danh từ chỉ một loại nhiên liệu, thường có màu đen, đồng âm với từ *than* là động từ chỉ hành động thốt lên thành lời về nỗi khổ, nỗi bất hạnh của mình.

Tác dụng: vừa giúp làm phong phú tư duy (mở rộng liên tưởng về các từ đồng âm), vừa tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (tạo sự bất ngờ).

2. Bài tập 2:

a. Nêu một trường hợp (trong ngôn ngữ hằng ngày hoặc trong tác phẩm văn học) có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ.

b. - Mùa xuân em đi chợ Hạ/ Mua cá thu về, chợ hầy còn đông. (Ca dao)

Biện pháp dùng từ cùng trường nghĩa (xuân, hạ, thu, đông chỉ 4 mùa) kết hợp từ đồng âm (Hạ (địa danh), thu (loài cá), đông (đông đúc, nhiều người)).

- Rắn hồ đất leo cây thực địa/ Ngựa nhà trời ăn cỏ chỉ

	<p>thiên. (Ca dao)</p> <p>Biện pháp dùng từ đồng nghĩa: địa (trong tên cây thực địa) đồng nghĩa với đất, thiên (trong tên loài cỏ chỉ thiên) đồng nghĩa với trời.</p> <p>Tác dụng: giúp làm phong phú tư duy (liên tưởng ý nghĩa của các thành tố trong tên các loài sinh vật), vừa tạo nên sự thú vị cho lời nói (sự tương tác giữa con vật với loài cây có danh xưng chứa thành tố đồng nghĩa với từ/ cụm từ chỉ con vật đó).</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS nhận diện và phân tích tác dụng của các trường hợp sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ trong các tác phẩm văn học cụ thể.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh nhận diện và phân tích

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Học sinh báo cáo, nhận xét, giáo viên đánh giá.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Gv chốt kiến thức, củng cố bài học. giao nhiệm vụ về nhà.

***RÚT KINH NGHIỆM**

.....

.....

.....

Ngày soạn

Ngày dạy

Tiết Văn bản 2: **Tiếng đàn mưa** (Bích Khê)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về cuộc sống và nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: Hãy chia sẻ cảm nhận về bài hát “ Một vòng Việt Nam” của Đồng Thiên Đức GV bổ xung - Một bài hát hào hùng. Nhắc về những kí ức của dân tộc - Gợi nhắc lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc.	Hs nghe bài hát HS chia sẻ cảm nhận	– Chia sẻ của HS. Kết nối với nội dung bài học: Những rung động vật lí (âm thanh) với những rung động trong xúc cảm của mỗi người có mối quan hệ mật thiết. Mỗi cá nhân đều có những nỗi niềm riêng (nỗi niềm đó có thể được gợi ra từ một âm thanh hoặc một bản nhạc nào đó mà ta nghe thấy), và cuộc sống trở nên nhân văn hơn khi chúng ta biết cảm thông, chia sẻ trước những nỗi niềm riêng ấy.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1.Mục tiêu

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong bài thơ *Tiếng đàn mưa* như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- HS nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- HS nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

2.Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hđ của HS	Sản phẩm cần đạt
HS được giao chuẩn bị ở nhà trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về tác giả Bích Khê.	HS trình bày vài nét thông tin về tác giả	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Bích Khê và tác phẩm “Tiếng đàn mưa” – Bích Khê (1916 – 1946) quê ở tỉnh Quảng Ngãi. Ông được đánh giá cao với những bài thơ đặc sắc, giàu tính nhạc. Bích Khê là nhà thơ có nhiều tìm tòi, cách tân trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945). – <i>Tiếng đàn mưa</i> nằm trong tập thơ <i>Tinh hoa</i> (tập hợp các sáng tác của Bích Khê từ năm 1938 đến

<p>HS được giao nhiệm vụ trình bày về kiến thức chung của văn bản</p> <table><tr><td colspan="2">Phiếu học tập 1</td></tr><tr><td>Thể loại</td><td></td></tr><tr><td>Xuất xứ</td><td></td></tr><tr><td>Phương thức biểu đạt</td><td></td></tr><tr><td>Bố cục đoạn trích</td><td></td></tr><tr><td>Nội dung</td><td></td></tr><tr><td>Nghệ thuật</td><td></td></tr></table>	Phiếu học tập 1		Thể loại		Xuất xứ		Phương thức biểu đạt		Bố cục đoạn trích		Nội dung		Nghệ thuật		<p>- HS đọc VB.</p> <p>- HS chia sẻ cảm nhận chung về VB (có thể chia sẻ cảm nhận về mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, giọng điệu hay hệ thống hình ảnh của bài thơ).</p> <p>HS trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận.</p>	<p>năm 1944).</p> <p>II. Khám phá VB</p> <p>A. Đọc VB</p> <p>- HS đọc to, rõ ràng, diễn cảm.</p> <p>- Phân chia sẻ cảm nhận, ấn tượng ban đầu về VB của HS.</p> <p>1. Thể loại</p> <p>- Văn bản Tiếng đàn mưa thuộc thể loại thơ song thất lục bát.</p> <p>2. Xuất xứ</p> <p>- Tiếng đàn mưa nằm trong tập thơ Tinh hoa (tập hợp các sáng tác của Bích Khê từ năm 1938 đến năm 1944).</p> <p>3. Phương thức biểu đạt</p> <p>- Phương thức biểu đạt: biểu cảm.</p> <p>4. Bố cục đoạn trích</p> <p>- Khổ 1: Những sự vật, hiện tượng phụ họa cùng mưa.</p> <p>- Khổ 2: Những nơi mưa rơi xuống.</p> <p>- Khổ 3: Cảnh vật khi mưa rơi xuống.</p> <p>- Khổ 4: Nguyên nhân khiến “khách tha hương” rơi lệ.</p> <p>5. Giá trị nội dung</p> <p>- “Tiếng đàn mưa” của Bích Khê đã để lại rất nhiều ấn tượng trong lòng người đọc, điển hình là cảm xúc của nhân vật “khách tha hương”. Qua đó, bài thơ đã thực sự thành công khi nói về nỗi nhớ sự cô đơn mà không hề nặng nề về cảm xúc mà cứ nhẹ rơi như những giọt mưa mang âm thanh của tiếng đàn.</p> <p>6. Giá trị nghệ thuật</p> <p>- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.</p> <p>- Sử dụng các biện pháp tu từ linh hoạt.</p> <p>B. Khám phá nội dung văn bản</p> <p>1. Cảnh mưa rơi</p> <p>- Những sự vật hiện tượng phụ họa cùng mưa: “hoa, thềm lan (thềm nhà), nước non.”</p> <p>- Những nơi mưa rơi xuống: “Lầu, thềm lan (thềm nhà), cánh đồng, trên ngàn”.</p> <p>=> Khắc họa tâm trạng: Một nỗi lòng đầy tâm sự, lúc vui lúc buồn, những kí ức về mảnh đất quê hương đã trôi mãi vào khoảng không gian kí ức rất xa, không thể quay lại.</p> <p>Những đặc điểm chung của sự vật hiện tượng phụ họa trong mưa chính là đều song hành, cùng rơi với những giọt mưa. Hoa rơi cùng, thềm lan hứng nước mưa, nước non cùng rả rích cùng khắc họa</p>
Phiếu học tập 1																
Thể loại																
Xuất xứ																
Phương thức biểu đạt																
Bố cục đoạn trích																
Nội dung																
Nghệ thuật																
<p>- GV tổ chức cho</p>																

<p>HS làm việc nhóm 3 phút Sau đó đổi nhóm theo hình thức mảnh ghép 3 phút Sau khi được chuyên gia truyền đạt hs thực hiện vào phiếu học tập số 2 để tìm hiểu cảnh mưa rơi và tâm trạng của khách tha hương với các câu hỏi sau:</p>	<p>– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; trình bày, trao đổi, thảo luận</p>	<p>lên tâm trạng cô đơn, nhớ nhà của nhân vật trữ tình. Tất cả đều hòa quyện vào nhau, cùng nhịp điệu với những giọt mưa rơi như vẽ nên bức tranh tâm trạng cô đơn, nhớ nhà da diết của nhân vật trữ tình.</p> <p>+ Bức tranh đẹp về cảnh hoa rụng cùng mưa: Cảnh hoa rụng cùng mưa được khắc họa qua hình ảnh hoa xuân rụng, mưa xuống lâu, xuống thêm lan, rơi khắp nẻo dặm ngàn.</p> <p>+ Mưa rơi không chỉ là hiện tượng tự nhiên mà còn được nhìn nhận như một cảnh đẹp, lãng mạn, nơi mưa và hoa xuân cùng nhau tạo nên một không gian đậm sắc thơ.</p> <p>+ Hoa xuân rụng trong mưa không chỉ là sự kết thúc của một mùa => gợi lên không gian u buồn man mác nơi mà vẻ đẹp tươi mới của hoa xuân không còn.</p>
<p>Phiếu học tập số 2</p> <p>Nhóm 1 Những sự vật, hiện tượng phụ họa cùng mưa và nơi mưa rơi? Những biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng? Nêu đặc điểm chung của những sự vật, hiện tượng phụ họa cùng mưa trong bài thơ. Tác giả muốn khắc họa tâm trạng gì qua những sự vật, hiện tượng ấy?</p> <p>Nhóm 2 Cảnh vật khi mưa rơi xuống. Thông qua cảnh mưa rơi, tác giả muốn tái hiện tính chất nào của không gian? Những từ ngữ nào được sử dụng nhiều lần trong bài thơ? Nêu tác dụng của việc sử dụng với tần suất cao những từ ngữ ấy?</p> <p>Nhóm 3 Chỉ ra mối liên hệ giữa hình ảnh nước non ở ba</p>	<p>– HS trả lời câu hỏi.</p>	<p>- Điệp từ “mưa xuống”; “bóng dương tà...bóng tà dương”; “mưa”.</p> <p>- Đảo ngữ: “Đầm mưa xuống, nẻo đời mưa xuống”.</p> <p>=> sự cô đơn cùng nỗi nhớ của những người con xa quê. Trăn trở chốn quê hương yên bình.</p> <p>- Sự lặp lại thanh điệu theo từng nhóm âm tiết tạo nên tính nhạc cho câu thơ, đồng thời giúp người đọc cảm nhận được sự vật đang diễn ra trong một trạng thái, một xu thế không thay đổi (những giọt mưa đang rơi mau ở khắp chốn/ bóng chiều buông xuống).</p> <p>Các biện pháp như hoán dụ “giọt đàn”, “rụng bóng”. Cảnh vật xung quanh càng trở nên tĩnh lặng, hiu quạnh, càng tô đậm thêm nỗi cô đơn trong tâm hồn kẻ tha hương. Nỗi nhớ quê như cuộn trào mãnh liệt, khiến họ chỉ muốn bật khóc, “muôn hàng lệ rơi” để vơi đi phần nào nỗi niềm thương nhớ quê hương.</p> <p>Những từ ngữ được sử dụng nhiều lần: “mưa; ý khách; bóng dương”.</p> <p>Tác dụng: Hình ảnh cơn mưa gợi lên nỗi buồn, sự hiu quạnh, cô đơn của người con xa quê hương nhớ nhà. Ý khách chính là việc tự coi mình là khách ở nơi chốn xa lạ này, tâm hồn không thuộc về nơi này khiến con người xa lạ vô cùng. Bóng dương tàn, chỉ khoảnh khắc hoàng hôn khiến con người càng thêm cô đơn, chỉ mong có thể trở về nơi mà mình thuộc về. Sự lặp lại những từ ngữ này tạo nên</p>

<p>khổ thơ đầu với nội dung của hai câu thơ cuối? Nguyên nhân khiến “khách tha hương” rơi lệ. Tâm trạng của khách tha hương là gì? Dựa vào cơ sở nào em nhận ra được điều đó?</p>	<p>Độc kĩ bài thơ, kết hợp với kiến thức về thể thơ để chỉ ra đặc điểm</p>	<p>một âm điệu du dương, trầm buồn như tiếng lòng ai đang thổn thức, nghẹn ngào. Đồng thời cũng thể hiện sự dai dẳng, ám ảnh của tâm trạng buồn bã, cô đơn trong lòng người con xa xứ.</p> <p>2. Tâm trạng của khách tha hương</p> <p>Hình ảnh "nước non" như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt bài thơ "Tiếng đàn mưa", kết nối các khổ thơ, tạo nên một mạch cảm xúc liền mạch, da diết. Khổ đầu, nước non hiện diện như bản nhạc du dương hòa cùng tiếng mưa xuân, vẽ nên khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp, khơi gợi trong lòng thi nhân nỗi nhớ quê da diết. Đến khổ cuối, nước non như nốt luyến cuối cùng, đẩy cảm xúc lên cao trào, khiến những giọt lệ nhớ nhung tuôn rơi. Nỗi cô đơn, buồn tủi không chỉ còn vang vọng trong tiếng mưa ngoài hiên mà còn lan tỏa, thấm đẫm trong từng câu thơ.</p> <p>- Vào thời điểm hoàng hôn, chính là lúc con người kết thúc công việc sau một ngày làm việc vất vả cực nhọc. Người khách tha hương – chính là những người đi xa quê hương vì mục đích kiếm sống lại càng nhớ nhà hơn. Hoàng hôn buồn, mưa xuống càng làm cho cảnh vật thêm náo nức, lạnh lẽo. Sự cô đơn như bao trùm, cùng nỗi nhớ về vùng đất xưa mà “muôn hàng lệ rơi”.</p> <p>- Nhân vật “khách tha hương” rơi lệ do nhớ về quê hương, sự cô đơn dưới “bóng dương” đã làm tâm trạng sâu càng thêm sâu, buồn càng thêm buồn. => Sự cô đơn như bao trùm, cùng nỗi nhớ về vùng đất xưa mà “muôn hàng lệ rơi”.</p> <p>- Tiếng đàn ngân vang ấy đã không còn thể kìm lại được nữa, sự cô đơn, nhớ nhung đã tuôn chảy ra ngoài “muôn hàng lệ rơi” => tạo nên mạch cảm xúc xuyên suốt cả bài thơ.</p> <p>+ Khổ thơ cuối chuyển từ cảnh mưa rơi sang tâm trạng của khách tha hương, nơi “mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi”. Từ cơn mưa vật chất chuyển thành cơn mưa trong tâm hồn, những giọt mưa đồng điệu với nỗi buồn, nỗi nhớ của khách tha hương => Nổi bật tâm trạng u buồn, cô đơn và nỗi nhớ nhà của người xa xứ.</p> <p>+ “Bóng dương với khách tha hương”: thể hiện sự cô đơn, buồn bã của con người và sự lạnh lẽo của không gian vào thời điểm mà chỉ còn “bóng dương” và lũ</p>
---	--	---

<p>– GV tổ chức cho HS tìm hiểu đặc điểm của thể thơ</p> <p>Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i>?</p>		<p>khách cô độc đang tự chiêm nghiệm, suy tư, đối diện với nỗi niềm lạc lõng của kẻ xa xứ.</p> <p>+ Cảnh mưa và tâm trạng của khách tha hương hoà quyện vào nhau, tạo nên một thể thống nhất, nơi không gian bên ngoài và thế giới nội tâm gặp gỡ, đồng cảm.</p> <p>3. Tìm hiểu một số nét đặc sắc thể thơ song thất lục bát của tác phẩm</p> <p>+ Được cấu tạo từ hai câu thất – bảy chữ (song thất) và 1 cặp lục bát (1 câu 6 tiếng và 1 câu 8 tiếng).</p> <p>+ Chữ cuối câu bảy dưới vần với chữ cuối câu lục “lan; ngàn”, tiếng cuối câu lục vần với chữ thứ 6 câu bát “ngàn; đàn”.</p>
<p>GV tổ chức cho HS tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm. GV hỏi: Theo em, VB có những nét đặc sắc nghệ thuật nào?</p> <p>– GV yêu cầu HS đọc diễn cảm bài thơ một lần nữa rồi tự tổng kết bài học bằng hình thức sơ đồ với hai nội dung: chủ đề, nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.</p> <p>Em có ấn tượng nhất với điều gì ở bài thơ? Vì sao?</p>	<p>– HS đọc diễn cảm và vẽ sơ đồ tổng kết theo yêu cầu.</p> <p>Đọc lại toàn bài đưa ra điều em ấn tượng nhất và lí giải</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>– Chủ đề: Khám phá vẻ đẹp mong manh, tinh tế của bức tranh mưa xuân đồng thời tái hiện tâm trạng u buồn, sự cô đơn và nỗi nhớ quê hương sâu sắc của kẻ xa xứ.</p> <p>Nét đặc sắc nghệ thuật: hệ thống biện pháp tu từ đặc sắc, hình ảnh độc đáo, ngôn ngữ giàu nhạc tính.</p> <p>– Sử dụng một số biện pháp tu từ đặc sắc: điệp ngữ, ẩn dụ,...</p> <p>– Sử dụng hệ thống hình ảnh giàu sức gợi. Ví dụ: <i>mưa hoa, hoa rụng, bóng tà dương</i>...</p> <p>– Ngôn ngữ: giàu tính nhạc, phù hợp với việc miêu tả nỗi buồn man mác, sâu lắng.</p> <p>- Em ấn tượng với hình ảnh “Mưa trong ý khách mưa cùng nước non”.</p> <p>- Đâu đó ta thấy được tình yêu thiên nhiên, đất nước, nơi đang tồn tại của nhân vật. Chính những cung bậc cảm xúc và tình yêu thiên nhiên như vậy, mới nghe được tiếng mưa như một tiếng đàn và cũng mới thấu được cái đẹp mà thiên nhiên đem lại.</p>

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về VB *Tiếng đàn mưa* và kỹ năng đọc hiểu thơ song thất lục bát.

2. Nội dung hoạt động

HS củng cố kiến thức, kỹ năng; thực hiện hoạt động *củng cố*.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hđ của HS	Sản phẩm cần đạt
GV tổ chức cho hs chơi trò chơi		<p>Câu 1: Bích Khê là nhà thơ thuộc phong trào văn học nào?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thơ Mới. 2. Văn học hiện thực. 3. Văn học kháng chiến. 4. Văn học hiện sinh. <p>Câu 2: Bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i> được viết theo thể thơ gì?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lục bát. 2. Tự do. 3. Ngũ ngôn. 4. Song thất lục bát. <p>Câu 3: Từ ngữ nào được tác giả lặp lại nhiều lần trong bài?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giọt. 2. Mưa. 3. Nước. 4. Lệ. <p>Câu 4: Tìm các tiếng có chứa thanh bằng trong hai câu thơ sau:</p> <p><i>Rơi hoa hết mưa còn rả rích</i></p> <p><i>Càng mưa rơi càng tịch bóng dương.</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hết, rích, bóng. 2. Hoa, mưa, bóng. 3. Hết, rả, tịch. 4. Còn, rơi, dương. <p>Câu 5: Đây là nhận xét đúng về thơ Bích Khê qua bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i>?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Là bài thơ mang đậm sắc màu truyền thống. 2. Là bài thơ có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. 3. Là bài thơ mang đậm màu sắc hiện đại, mới mẻ. 4. Là bài thơ với thể thơ truyền thống, ngôn từ hiện đại, sôi nổi. <p>Câu 6: Những sự vật, hiện tượng nào trong khổ ba phụ họa</p>

		<p>cùng mưa?</p> <ol style="list-style-type: none"> Bóng dương tà. Hoa xuân. Đầm, nẻo đò, bóng tà dương. Đầm, nẻo đò, bóng tà dương, hoa xuân. <p>Câu 7: Đây là tình cảm của nhà thơ được thể hiện trong thi phẩm <i>Tiếng đàn mưa</i>?</p> <ol style="list-style-type: none"> Nỗi nhớ nhung, nặng lòng với quê hương, đất nước. Đón chờ công cuộc đổi mới của nước nhà. Nỗi nhớ gia đình, bè bạn. Xót xa trước cảnh tượng khổ cực của nhân dân. <p>Câu 8: Đây không phải nơi mưa rơi xuống được nhắc đến trong bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i>?</p> <ol style="list-style-type: none"> Thềm lan. Nẻo đò. Đầm. Vườn hoa. <p>Câu 9: Tiếng mưa được miêu tả như thế nào trong bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i>?</p> <ol style="list-style-type: none"> Ào ào như thác đổ. Tiếng mưa rơi rả rích. Tiếng mưa rơi tí tách. Gần như không phát ra âm thanh. <p>Câu 10: Tiếng đàn được nhắc đến trong bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i> cho ta cảm nhận được điều gì?</p> <ol style="list-style-type: none"> Tiếng đàn chỉ đơn thuần là một liên tưởng của nhà thơ khi viết về mưa. Nhà thơ rất mê tiếng đàn nên mới liên tưởng tiếng mưa như tiếng đàn. Nhà thơ nhìn thế giới bằng con mắt âm nhạc, là một đặc điểm của thơ ca tượng trưng. Tiếng đàn từ cổ chí kim luôn được gắn với tiếng mưa.
--	--	--

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS làm việc theo cặp để thực hiện cuộc phỏng vấn với các câu hỏi được gợi ý hoặc tự đề xuất.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hđ HS	Sản phẩm cần đạt
<p>GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau: Làm việc theo cặp để thực hiện cuộc phỏng vấn với các câu hỏi gợi ý hoặc do cá nhân tự đề xuất để tìm hiểu “những cung bậc tâm trạng” của người khác. Các câu hỏi gợi ý: – <i>Bạn cảm thấy hạnh phúc nhất khi nào?</i> – <i>Kỷ niệm yêu thích của bạn là gì và tại sao nó lại khiến bạn cảm thấy vui?</i> – <i>Bạn thường làm gì khi cảm thấy buồn bã hoặc lo lắng?</i> <i>Có sự kiện nào gần đây khiến bạn cảm thấy tổn thương hoặc thất vọng không?</i> – <i>Khi gặp khó khăn, bạn thường tìm sự giúp đỡ từ ai?</i> – <i>Bạn đã từng chia sẻ cảm xúc của mình với ai đó và cảm thấy nhẹ nhõm hơn chưa?</i> – <i>Làm thế nào bạn thể hiện sự quan tâm đến bạn bè của mình khi họ không vui?</i> – <i>Khi gặp chuyện không vui, bạn làm gì để cải thiện tinh thần của mình?</i> <i>Bạn có sở thích hoặc hoạt động nào giúp bản thân cảm thấy hạnh phúc và thoải mái không?</i></p>	<p>HS thực hiện phỏng vấn, một người hỏi, một người trả lời; sau đó đổi vai cho nhau.</p>	<p>Cuộc phỏng vấn, từ đó, HS thấu hiểu hơn về cảm xúc của nhau</p>
<p>GV yêu cầu HS thực hiện phần <i>Viết kết nối với đọc</i> trong SGK, tr. 47. Dưới ngòi bút tài hoa của Bích Khê, "Tiếng đàn mưa" vang lên như bản nhạc vĩ cầm da diết, dành riêng cho những tâm hồn xa quê đang chìm trong nỗi cô đơn mãnh liệt. Tiếng mưa rơi nhịp nhàng như những nốt nhạc du dương, khơi gợi trong lòng người đọc bức tranh thiên nhiên rộng lớn bao trùm tâm hồn thi nhân. Từ thềm lan, dưới lầu, cánh đồng lúa xanh cho đến tận non nước xa xăm, tất cả đều hiện lên trong một không gian mênh mông, khoáng đạt. Tuy nhiên, ẩn sau vẻ đẹp hùng vĩ ấy là nỗi cô đơn, bé nhỏ đến nao lòng của con người giữa cõi trời đất bao la. Tiếng mưa như lời thủ thỉ tâm tình, dẫn dắt thi nhân đến với khoảnh khắc bộc lộ cảm xúc mãnh liệt nhất: những giọt lệ nhớ nhung tuôn rơi, hòa quyện vào từng cung bậc cảm xúc và tâm hồn. Bóng hình "khách tha hương" hòa lẫn trong ánh nắng tàn cuối ngày, vẽ nên bức tranh cô đơn vô bờ bến, khiến lòng người xao xuyến, băng khuâng. Bài thơ đã đạt được thành công vang dội khi thể hiện nỗi nhớ quê da diết và nỗi cô đơn sâu</p>	<p>HS viết đoạn văn.</p>	<p>Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu về nội dung và hình thức. Có thể theo gợi ý sau: – Về nội dung đoạn văn: HS nêu cảm nghĩ của mình về bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i>. – Về hình thức đoạn văn: HS viết đoạn văn theo một cấu trúc rõ ràng (điển dịch, quy nạp, song song hoặc phối hợp), viết đúng chính tả, dùng từ ngữ phù hợp, đặt câu đúng ngữ pháp, đảm bảo số câu theo quy định.</p>

thăm một cách nhẹ nhàng, tinh tế, như những giọt mưa âm vang tiếng đàn ai oán.

Hoạt động 5. Củng cố, dặn dò.

- Hoàn thành bài viết kết nối với đọc.
- Chuẩn bị bài : Thực hành Tiếng Việt

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 2: NHỮNG CUNG BẠC TÂM TRẠNG

TIẾT: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:

BIỆN PHÁP TU TỪ ĐIỆP THANH, ĐIỆP VẦN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

I. Mục tiêu:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù: Giúp HS:

- Hiểu, nắm vững được đặc điểm của biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần, những tác dụng của điệp thanh, điệp vần thường gặp, mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng điệp thanh, điệp vần trong ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ văn học.
- Nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần, một cách phù hợp.

1.2. Năng lực chung:

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

2. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị:

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

2. Học liệu:

- Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc có dùng biện pháp tu từ chơi chữ.
- Phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS tạo tâm thế hào hứng, kết nối tri thức để bước vào bài học.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức trò chơi: Thi thả thơ

GV chia lớp thành 4 đội chơi

GV chiếu một số câu thơ lên bảng, mỗi ngữ liệu bị mất đi một vài chữ quan trọng. HS dự đoán chữ bị mất là từ nào trong số các đáp án được đưa ra và giải thích lí do.

- GV viết các số từ 1 đến 30 lên bảng theo trình tự ngẫu nhiên. Các đội chơi chọn ra 1 người đứng đầu hàng. GV đọc một con số bất kì, các đội chơi giành quyền trả lời câu hỏi bằng cách chạm tay nhanh nhất vào con số mà GV vừa đọc. Nếu đội chơi giành được quyền trả lời mà trả lời sai, cơ hội trao cho 3 đội còn lại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Chọn từ thích hợp để “thả” vào chỗ trống trong câu thơ sau:

1. “Một canh, hai canh, lại ba canh

Trần trọc bần khoăn.....

Canh bốn, canh năm, vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.”

(“Không ngủ được” trích “Nhật ký trong tù” – Hồ Chí Minh)

A. **giấc chẳng thành** B. giấc không thành C. giấc không tròn

2. Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,

Một chiếc thuyền câu

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,

Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.

(Theo Nguyễn Khuyên, *Thu điếu*)

A. nổi bông bênh

B. bé tẻo teo

C. dưới ánh trăng

3. Từ lúc nghe lời ru của mẹ

Cánh cò bay trong

Từ lúc nghe truyền thuyết mẹ Âu Cơ

Từ lúc tôi còn chập chững tuổi thơ.

(Theo Huy Tòng, *Việt Nam ơi*)

A. những giấc mơ

B. ánh nắng mai

C. giấc mơ xanh

4. Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi

Gió rừng cao xạc xào lá đổ

Gió mù mịt những

Những dòng sông ào ạt cánh buồm căng.

(Theo Lưu Quang Vũ, *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi*)

A. cánh đồng lộng gió

B. núi đồi mờ tỏ

C. con đường bụi đỏ

5. Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,

Tóc buồn buông xuống.....

Đây mùa thu tới - mùa thu tới

Với áo mơ phai dệt lá vàng.

(Theo Xuân Diệu, *Đây mùa thu tới*)

A. lệ ngàn hàng

B. sông mênh mang

C. bờ vai nàng

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Các đội chơi tham gia báo cáo kết quả.

Bước 4: Đánh giá kết luận

Các đội nhận xét, giáo viên đánh giá kết quả đội chơi

GV kết nối các câu thơ được đưa ra trong trò chơi với bài học về biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần: Các câu thơ các em vừa “thả thơ” sử dụng biện pháp tu từ điệp thanh hoặc điệp vần để tạo nên ấn tượng về mặt âm thanh và ý nghĩa.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm cần đạt
<p>Bước 1; Chuyển giao nhiệm vụ HS đọc Tri thức ngữ văn trong SGK (tr. 40); đọc khung Nhận biết biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần trong SGK (tr. 47 - 48)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hs: thảo luận, vẽ sơ đồ tư duy.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p>I. Biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần.</p> <p>1. Biện pháp tu từ điệp thanh</p> <p>- Điệp thanh là biện pháp tu từ ngữ âm, tạo nên bằng cách lặp lại thanh điệu cùng loại (thanh bằng hoặc thanh trắc) để làm tăng tính nhạc, nâng cao hiệu quả diễn đạt.</p> <p>- Điệp thanh có thể được tạo nên bằng cách sử dụng lặp lại một loạt âm tiết có cùng thanh điệu (thanh bằng hoặc thanh trắc). Điệp thanh cũng có thể được tạo nên bằng cách sử dụng lặp lại thanh điệu theo từng nhóm âm tiết.</p>

	<p>2. Biện pháp tu từ điệp vần</p> <p>- Điệp vần là biện pháp tu từ ngữ âm, sử dụng những âm tiết có vần giống nhau nhằm tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng, tăng tính nhạc để biểu đạt cảm xúc của người viết (người nói), đồng thời gây ấn tượng thẩm mỹ cho người đọc (người nghe).</p> <p>- Điệp vần trong thơ có thể xuất hiện ở vị trí các âm tiết gieo vần: âm tiết cuối cùng của câu thơ (vần chân) hoặc âm tiết nằm ở khoảng giữa câu thơ (vần lưng), tạo tính liên kết, tính nhạc cho câu thơ. Ở một số bài thơ, việc gieo vần tạo được ấn tượng hoặc cảm xúc đặc biệt, có hiệu quả tu từ rõ nét, đó chính là điệp vần. Điệp vần còn có thể xuất hiện ở những vị trí âm tiết không đóng vai trò gieo vần, tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng, tăng tính nhạc để chuyển tải cảm xúc cần biểu đạt trong thơ.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm cần đạt
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS thực hiện bài tập 1 trong SGK, tr. 47 - 48 (làm việc cá nhân).</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh làm bài, giáo viên quan sát.</p> <p>Bước 3: Báo cáo Học sinh chữa bài, học sinh khác nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận Giáo viên chữa bài, nhận xét, kết luận.</p>	<p>1. Bài tập 1/47, 48</p> <p>a. Biện pháp tu từ điệp thanh được tạo nên bằng cách lặp lại các âm tiết có cùng loại thanh điệu là thanh trắc (các âm tiết dùng thanh trắc: khóc, nước, mắt, thắt, gọi, chữa, dính, chặt), đặc biệt là các thanh trắc ở các vị trí gieo vần (mắt, thắt, chặt). Tác dụng: tạo âm hưởng về một cảm xúc đau đớn đang phải cố nén lại.</p> <p>b. Biện pháp tu từ điệp thanh được tạo nên bằng cách lặp lại một loạt âm tiết có cùng loại thanh điệu là thanh bằng. Tác dụng: tạo âm hưởng về một nỗi niềm (nỗi buồn) nhẹ nhàng, êm dịu.</p> <p>c. Sau 3 câu thơ dùng nhiều thanh trắc, miêu tả cảnh thiên nhiên với núi non hùng vĩ, địa hình hiểm trở, câu thơ thứ 4 sử dụng biện pháp tu từ điệp thanh với một loạt âm tiết có cùng thanh bằng. Tác dụng: tạo âm hưởng như tiếng thở phào thành thoi của người vừa vượt qua chặng đường gian nan, đồng thời gợi hình dung về một khung cảnh rộng mở, bình yên.</p> <p>2. Bài tập 2/48</p> <p>Có 5 trường hợp điệp thanh theo từng nhóm âm tiết trong cùng một câu thơ:</p>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	

<p>HS thực hiện bài tập 2 trong SGK, Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh làm bài, giáo viên quan sát. HS thực hiện bài tập 2 trong SGK, tr. 48 (làm việc cặp đôi). Bước 3: Báo cáo Học sinh chữa bài, học sinh khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận Giáo viên chữa bài, nhận xét, kết luận.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS thực hiện bài tập 3 trong SGK, Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh làm bài, giáo viên quan sát. HS thực hiện bài tập 2 trong SGK, tr. 48 (làm việc nhóm). Bước 3: Báo cáo Học sinh chữa bài, học sinh khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận Giáo viên chữa bài, nhận xét, kết luận.</p> <p>HS thực hiện bài tập 3 trong SGK, tr. 48 (làm việc theo nhóm).</p>	<p>Mưa hoa rừng, mưa hoa xuân rừng (bằng - bằng - trắc) Mưa xuống lâu, mưa xuống thềm lan (bằng - trắc - bằng) Lầu mưa xuống, thềm lan mưa xuống (bằng - bằng - trắc) Đầm mưa xuống, nẻo đời mưa xuống (bằng - bằng - trắc) Bóng dương tà ... rừng bóng tà dương (trắc - bằng - bằng) Sự lặp lại thanh điệu theo từng nhóm âm tiết tạo nên tính nhạc cho câu thơ, đồng thời giúp người đọc cảm nhận được sự vật đang ở trong một trạng thái, một xu thế không thay đổi (những giọt mưa đang rơi mau ở khắp chốn/ bóng chiều buông xuống). 3. Bài tập 3/48 a. Trong đoạn thơ, vần ương xuất hiện 3 lần: “Rơi hoa hết mưa còn rả rích Càng mưa rơi càng tịch bóng dương” Bóng dương với khách tha hương Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi. Vần ương ngân dài, lặp lại ở hình ảnh “bóng dương” và “khách tha hương” không chỉ tạo nên cảm nhận về một nỗi khắc khoải, day dứt mà còn gây ấn tượng về sự đồng điệu giữa cảnh vật (bóng dương) và con người (khách tha hương). b. Trong đoạn thơ, các vần ưa, ư xuất hiện 3 lần; các vần ai, a xuất hiện 2 lần, kết hợp với việc sử dụng từ láy (xôn xao, ngân nga): Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa Một buổi trưa, nắng dài bãi cát Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa Mát rượi lòng ta ngân nga tiếng hát... Tác dụng: đem lại cho người đọc cảm nhận về những con sóng biển từng đợt, từng đợt rì rào xô tới rồi lại lùi ra khỏi bờ cát, dịu dặt, nhẹ nhàng.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**
HS viết đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ về một bài thơ/ đoạn thơ có sử dụng biện pháp tu từ điệp thanh hoặc điệp vần.
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**
Học sinh làm bài, giáo viên quan sát.
- Bước 3: Báo cáo**
Học sinh chữa bài, học sinh khác nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên chữa bài, nhận xét, kết luận.

***RÚT KINH NGHIỆM**

.....
.....

Ngày dạy:/...../.....

Tiết: MỘT THỂ THƠ ĐỘC ĐÁO CỦA NGƯỜI VIỆT (Đương Lâm An)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS nhận biết được đặc điểm thể thơ Song thất lục bát. Từ đó hình thành, rèn luyện năng lực đọc hiểu một bài thơ thuộc thể song thất lục bát.
- HS cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, nỗi niềm của tác giả.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản **MỘT THỂ THƠ ĐỘC ĐÁO CỦA NGƯỜI VIỆT**
- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản.

3. Phẩm chất:

- HS biết trân trọng, gìn giữ những giá trị văn hoá truyền thống.

II. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về nhà văn, tác phẩm
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. Tiến trình dạy học

*** Khởi động**

HS trả lời câu hỏi:

Câu 1. Song thất lục bát là thể thơ có nguồn gốc từ:

- A. Pháp
- B. Việt Nam

C. Trung Quốc

D. Nhật Bản

Câu 2. Dòng nào sau đây **không phải** là đặc điểm của thể thơ song thất lục bát?

- A. Sử dụng yếu tố văn hoá phương Tây
- B. Có thể chia khổ hoặc không
- C. Số câu trong mỗi khổ thơ không cố định
- D. Có hiện tượng biến thể về cấu trúc

Câu 3. Vần chân trong thơ song thất lục bát được gieo ở đâu?

- A. Tiếng thứ ba của mỗi câu thơ
- B. Tiếng cuối của mỗi câu thơ
- C. Tiếng đầu của mỗi câu thơ
- D. Tiếng thứ năm của mỗi câu thơ

Câu 4. Biến thể nào dưới đây là phổ biến trong thơ song thất lục bát?

- A. Mỗi khổ thơ chỉ gồm một cặp câu
- B. Mở đầu bài thơ bằng cặp song thất
- C. Mở đầu bài thơ bằng cặp lục bát
- D. Sử dụng toàn bộ câu thơ có cùng số tiếng

Câu 5. Việc sử dụng vần lưng trong thơ song thất lục bát có tác dụng gì?

- A. Tạo nhạc điệu cho bài thơ cũng như sự hoà điệu giữa các câu thơ
- B. Phân biệt rõ ràng với các thể thơ truyền thống khác của Việt Nam
- C. Tăng vẻ đẹp hình thức, giúp câu thơ trở nên cân đối hơn
- D. Làm cho bài thơ dễ thuộc và truyền bá rộng rãi hơn.

Đáp án:

Câu 1. B

Câu 2. A

Câu 3. B

Câu 4. D

Câu 5. A

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>HD 1: Đọc văn bản <i>(thực chất là phần Trong khi đọc)</i> GV hướng dẫn HS thực hiện các nhiệm vụ: + Đọc văn bản <i>(lưu ý HS sử dụng các chiến lược đọc ở các thể chỉ dẫn)</i> Yêu cầu HS đọc to, rõ ràng, truyền cảm. - GV yêu cầu HS đọc VB trong SGK, lưu ý phần chú thích những từ ngữ khó. + Tìm hiểu các từ ngữ mới, khó trong văn bản + Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm như trong SHS</p>	<p>I. Đọc văn bản 1. Hướng dẫn đọc: 2. Tìm hiểu chú thích/từ ngữ khó 3. Tác giả, tác phẩm - Tác giả: Dương Lâm Anh</p>

HĐ 2: Khám phá văn bản*(thực chất là phần Sau khi đọc)***1. Tìm hiểu những thông tin về thể thơ song thất lục bát**

Theo thông tin trong VB, thể thơ song thất lục bát ra đời khi nào?

VB cung cấp những thông tin nào về đặc điểm của thơ song thất lục bát?

2. Tìm hiểu ảnh hưởng và giá trị của thể thơ song thất lục bát đối với đời sống văn hoá và thi ca Việt Nam

- Em hãy chỉ ra những biểu hiện cho thấy sức ảnh hưởng của thể thơ song thất lục bát đến đời sống thi ca hiện đại?

- Ngoài các tác phẩm được liệt kê trong VB, em hãy tìm thêm những sáng tác khác thể hiện sự

II. Khám phá văn bản**1. Tìm hiểu những thông tin về thể thơ song thất lục bát**

- Các thông tin về thể thơ song thất lục bát:

+ Nguồn gốc và lịch sử ra đời: Thể thơ song thất lục bát là một sáng tạo văn học độc đáo của người Việt, xuất hiện khoảng thế kỉ XV - XVI.

+ Hai tác phẩm đầu tiên được nhắc đến là *Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa* và *Đại nghi bát giáp thường đào giải văn* của Lê Đức Mao. Những tác phẩm này không chỉ là những ví dụ đầu tiên về thể thơ song thất lục bát mà còn cho thấy sự phát triển của thể thơ lục bát.

- Đặc điểm: Thể thơ này có đặc trưng riêng trong quy luật dùng thanh điệu và cách gieo vần ở cặp câu lục bát, cũng như sự phối hợp giữa cặp câu thất và cặp câu lục bát.

2. Tìm hiểu ảnh hưởng và giá trị của thể thơ song thất lục bát đối với đời sống văn hoá và thi ca Việt Nam

- Thể thơ song thất lục bát ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hoá và thi ca. Điều này thể hiện qua việc nhiều nhà thơ từ thế kỉ XVIII - XIX đến đầu thế kỉ XX tiếp tục sử dụng thể thơ này trong sáng tác.

- Thơ song thất lục bát đã phát huy giá trị trong thể loại ngâm khúc và nhiều thể loại văn học khác như ca trù, văn tế.

- Mặc dù ngày nay, thể thơ song thất lục bát không còn phổ biến như trước, nhưng vẫn được một số nhà thơ hiện đại sử dụng như là một cách

ảnh hưởng của thể thơ song thất lục bát trong văn học hiện đại Việt Nam?

3. Tìm hiểu về cách trình bày thông tin trong VB

-GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tìm hiểu và trình bày về bố cục của VB, nhận xét về cách tổ chức các phần và ý chính mà tác giả muốn truyền đạt trong mỗi phần.

*Tổng kết

VB *Một thể thơ độc đáo của người Việt* đã cung cấp cho em những thông tin gì? VB này có sự khác biệt như thế nào về thể loại và nội dung so với hai VB đọc trước đó?

HD 3: Viết kết nối với đọc

GV cho HS thực hiện nhiệm vụ sau:

Dựa trên thông tin từ VB, hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 5 - 7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về tầm quan trọng của thơ song thất lục bát đối với văn hoá và văn học Việt Nam.

để kết nối với quá khứ và truyền tải những tâm trạng, cảm xúc mới mẻ. Điều này cho thấy thơ song thất lục bát vẫn có sức sống trong thi ca hiện đại, góp phần làm phong phú thêm văn học Việt Nam.

3. Tìm hiểu về cách trình bày thông tin trong VB

- VB được tổ chức một cách lô- gíc và mạch lạc, bắt đầu từ giới thiệu tổng quan về thể thơ song thất lục bát, sau đó là lịch sử và các tác phẩm tiêu biểu, cuối cùng là ảnh hưởng và giá trị của thể thơ đối với đời sống văn hoá và thi ca.
- VB trình bày thông tin theo trật tự thời gian, bắt đầu từ thời điểm ra đời tới những mốc phát triển sau này của thể thơ.

*Tổng kết

- VB *Một thể thơ độc đáo của người Việt* cung cấp một số thông tin mở rộng về thể thơ song thất lục bát (nguồn gốc, đặc điểm, quá trình phát triển và ảnh hưởng của thể thơ trong tiến trình thơ ca hiện đại).

VB sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh; hệ thống thông tin được triển khai phong phú, bao gồm cả tri thức về văn học và văn hoá, lịch sử,...

III. Viết kết nối với đọc

Thơ song thất lục bát là một thể thơ truyền thống của Việt Nam, được sử dụng từ rất lâu đời. Thể thơ này có nhiều đặc điểm độc đáo giúp tạo nên giá trị nghệ thuật riêng biệt. Thông qua những dòng thơ song thất lục bát, ta hiểu được ý nghĩa, tâm tình của tác giả đối được gửi gắm qua bài

	<p>thơ. Như “ Chinh phụ ngâm khúc”, ta thấy được tâm trạng đau buồn, nỗi cô đơn của người chinh phụ có chồng đi chinh chiến. Ta có thể thấy qua đoạn trích sau :</p> <p><i>"Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước</i></p> <p><i>Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen</i></p> <p><i>Ngoài rèm thước chẳng mách tin</i></p> <p><i>Trong rèm dường đã có đèn biết</i></p> <p><i>chẳng</i></p> <p><i>Đèn có biết dường bằng chẳng biết"</i></p>
--	---

*** Củng cố, hướng dẫn về nhà**

BÀI 2 VĂN 9

B PHẦN VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC
(Thơ song thất lục bát)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Đặc điểm thể thơ song thất lục bát.
- Cảm xúc về một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học song thất lục bát.

2. Về năng lực:

- Biết viết đoạn văn phân tích một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát).

3. Về phẩm chất:

- Tự hào, yêu quý thể thơ song thất lục bát.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI

Mục tiêu:

- Biết được kiểu bài viết bài văn nghị luận phân tích về một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát)

Nội dung:

- HS đọc một số bài thơ, thơ song thất lục bát mà mình sưu tầm được.
- HS trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: ? Em hãy đọc các bài thơ, thơ song thất lục bát mà em sưu tầm được.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Nghe / đọc thơ song thất lục bát. - Suy nghĩ cá nhân - HS trả lời câu hỏi.</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời</p> <p>B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “ <i>Viết đoạn văn nghị luận phân tích 1 tác phẩm văn học thơ song thất lục bát</i> .”</p>	HS nêu cảm nhận của mình về các bài thơ song thất lục bát.

HD 2: Hình thành kiến thức mới

TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC.

Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với bài văn phân tích một bài thơ song thất lục bát.

- Trình bày đúng hình thức bài văn.

Nội dung:

- GV chia nhóm lớp

- Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: * Hs chọn một bài thơ song thất lục bát và thực hiện các yêu cầu sau: ? Cho biết tên bài thơ và tác giả của bài thơ em vừa đọc và nêu nhận định chung của người viết về tác phẩm đó ? ? Hãy nêu nội dung chính của bài thơ và khái quát chủ đề của bài thơ? ? Hãy cho biết nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ ? ? Theo em, một khi viết một bài văn nghị luận phân tích về một bài thơ song thất lục bát cần có những lí lẽ và dẫn chứng gì? ? Hãy nêu ý nghĩa và giá trị của bài thơ?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV chiếu câu hỏi. - HS trả lời</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS trả lời - HS trả lời câu hỏi.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p>	<p>I. Yêu cầu đối với việc viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.</p> <p>- Giới thiệu được khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát(tên tác phẩm, tên tác giả) nêu được nhận định chung của người viết về tác phẩm.</p> <p>- Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm.</p> <p>- Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm, tập trung vào những yếu tố đặc trưng của thể thơ song thất lục bát và tác dụng của thể thơ này trong việc</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau 	<p>thể hiện nội dung của tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ: sử dụng lí lẽ và bằng chứng xác đáng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết. - Khẳng định được giá trị và ý nghĩa của tác phẩm.
---	---

II. PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

Mục tiêu:

- Bài viết tham khảo: **Hồn tôi vang tiếng trống trường Trưa vắng**
- Biết yêu cầu phân tích bài thơ.

Nội dung:

- HS đọc SGK
- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra

c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nhận định chung về tác phẩm. 2. Phân tích nội dung cơ bản của bài thơ ? 3. Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ và tác dụng của thể thơ song thất lục bát trong việc thể hiện nội dung chủ đề ? 4. Phân tích các phần tiếp theo của bố cục bài thơ? Liên hệ mở rộng? 5. Khẳng định vị trí, ý nghĩa của bài thơ ? <p>GV yêu cầu: HS đọc bài tham khảo và tìm câu trả lời.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2' - Làm việc nhóm 5' để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận <p>B3: Báo cáo thảo luận</p> <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo 	<p>Bài mẫu:</p> <p>Hồn tôi vang tiếng trống trường Trưa vắng</p> <p>1. Giới thiệu khái quát về tác giả và tác phẩm, nêu nhận định chung về tác phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả Hồ Dzếnh (1916 - 1991), là tác giả đã khẳng định được tên tuổi từ phong trào thơ mới. - Bài thơ <i>Trưa vắng</i> in trong tập thơ <i>Quê ngoại</i> (1942) là một sáng tác tiêu biểu cho giọng thơ, hồn thơ của thi sĩ. <p>2. Phân tích để làm rõ nội dung chủ đề của bài thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các từ ngữ “<i>hồn tôi</i>”, hình ảnh ngôi trường. => Làm rõ nội dung: lời chia sẻ về thế giới âm ập kỉ niệm, những cảm xúc thân thương của tác giả. - Phân tích từ ngữ miêu tả “<i>những giờ vui trước</i>” và cảm xúc của hai anh em trong buổi trưa hè. => Làm rõ nội dung: Kỉ niệm không thể nào quên. - Phân tích hình ảnh cỏ cây, trời đất, bạn trường thay đổi => Làm rõ nội dung: Nỗi xót xa về thời gian chảy trôi nhanh. - Phân tích hình ảnh chim cánh động nắng, lá, buổi trưa. => Làm rõ nội dung: Những kỉ niệm xưa không bao giờ phai trong tâm trí tác giả.

<p>đổi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).</p> <p>GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm</p> <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau. - HS liên hệ với bài thơ Nhớ đồng của Tố Hữu. 	<p>3. Những đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của thể thơ song thất lục bát trong việc thể hiện nội dung chủ đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong bốn câu thơ đầu: <ul style="list-style-type: none"> + Hình ảnh ngôi trường được cảm nhận qua cả thị giác, khứu giác và thính giác. + Những câu thơ song thất lục bát giàu vần điệu (mỗi khổ thơ gồm một cặp câu 7 chữ và một cặp lục bát có tới 7 tiếng được gieo vần, điều không một thể thơ nào khác có được) dẫn dắt người đọc vào thế giới tâm hồn thi sĩ. - Trong bốn câu thơ từ “<i>Sâu rộng quá... bắt đuôi chuồn chuồn</i>”: <ul style="list-style-type: none"> + Biện pháp tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, dùng cảm nhận không gian để miêu tả thời gian giúp thi nhân thể hiện những xúc cảm. + Phép đối trong câu thơ thứ tư. - Bốn câu thơ từ “<i>Đời đẹp quá... làm thơ suốt đời</i>”: <ul style="list-style-type: none"> + Tác dụng của cách ngắt nhịp 2/2/2/2 hoặc 2/6 trong câu thơ thứ tư. + Câu hỏi tu từ. - Trong bốn câu thơ từ “<i>Có mấy bận... tóc nay dần hết xanh</i>”: <ul style="list-style-type: none"> + Tác dụng của dấu chấm lửng ở câu thơ thứ hai. - Trong bốn câu thơ cuối: <ul style="list-style-type: none"> + Tác dụng của dấu chấm lửng cuối bài. - Tóm tắt nghệ thuật của cả bài: <ul style="list-style-type: none"> + Ngôn ngữ tự nhiên, mộc mạc, giàu biểu cảm thể hiện những rung cảm nhẹ nhàng mà sâu lắng. + Thể thơ song thất lục bát xen kẽ từng cặp câu thơ bảy chữ và câu thơ lục bát đầy biến tấu, giàu vần điệu, ngắt nhịp đa dạng, có khả năng chuyển tải những xúc cảm muôn màu, phù hợp để nhà thơ bộc bạch lòng mình. <p>4. Phân tích các phần tiếp theo của bố cục bài thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bố cục 5 phần : <ul style="list-style-type: none"> + Bốn câu thơ đầu + Từ “ <i>Sâu rộng quá bắt đuôi chuồn chuồn</i>” + Từ “ <i>Đời đẹp quá... làm thơ suốt đời</i>” + Từ “ <i>Có mấy bận.... tóc nay dần hết xanh</i>”
---	--

	<p>+ Bốn câu thơ cuối</p> <p>5. Liên hệ mở rộng</p> <p>- Liên hệ với bài thơ Nhớ đồng của Tố Hữu.</p> <p>6. Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ.</p> <p>- Tóm tắt lại nội dung, nghệ thuật của bài thơ.</p>
III. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC	
<p>Mục tiêu: Giúp HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm theo các bước. - Lựa chọn bài thơ để viết, tìm ý, lập dàn ý. - Tập trung vào những đặc sắc nội dung, nghệ thuật bài thơ. <p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn bài thơ song thất lục bát? - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV. <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>B1: Chuyên giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>Nhớ lại các tác phẩm thơ song thất lục bát mà em đã học hoặc đã đọc, chẳng hạn: <i>Ai tư văn</i> (Lê Ngọc Hân), <i>Khóc Dương Khuê</i> (Nguyễn Khuyến), <i>Hai chữ nước nhà</i> (Trần Tuấn Khải), <i>Đêm khuya tự tình với sông Hương</i> (Hàn Mặc Tử), <i>Tiếng đàn mưa</i> (Bích Khê),...</p> <p>Chọn trong số đó một tác phẩm em thấy thú vị, có nhiều xúc cảm để phân tích.</p> <p>Gọi HS đọc bài thơ</p> <p>? Tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài thơ trên bằng cách điền vào phiếu tìm ý.</p> <p>? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý. <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. <p>B3: Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc sản phẩm của mình. 	<p>1. Trước khi viết:</p> <p>a) Lựa chọn đề tài.</p> <p>Nhớ lại các tác phẩm thơ song thất lục bát mà em đã học hoặc đã đọc, chẳng hạn: <i>Ai tư văn</i> (Lê Ngọc Hân) <i>Khóc Dương Khuê</i> (Nguyễn Khuyến), <i>Hai chữ nước nhà</i>(Trần Tuấn Khải) <i>Đêm khuya tự tình với sông Hương</i>(Hàn Mặc Tử).....Chọn một trong số đó một tác phẩm em thấy thú vị, có nhiều cảm xúc để phân tích.</p> <p>b) Tìm ý.</p> <p>Ví dụ: Viết bài văn nghị luận một tác phẩm thơ song thất lục bát.</p> <p>Để tìm ý cho bài văn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát, em cần thực hiện các bước sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm (nếu có) và những thông tin khác có liên quan để viết phần Mở bài và liên hệ, mở rộng khi phân tích. - Xác định bố cục của tác phẩm và nội dung chính của từng phần. - Xác định những nỗi niềm tâm tư, xúc cảm chủ đạo trong tác phẩm. - Tìm hiểu các yếu tố nghệ thuật mà tác giả đã sử dụng để truyền tải nội dung chủ đề như đặc điểm của thể thơ song thất lục bát (vần, nhịp, ...), từ ngữ (đặc biệt là các từ ngữ chỉ xúc cảm, trong đó có cả từ tượng thanh, từ tượng hình, ...), biện pháp tu từ (điệp thanh, điệp vần, so sánh, ẩn dụ),... <p>Nghị luận về một tác phẩm thơ song thất lục</p>

- Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.

bát, bài viết nên kết hợp phân tích nội dung và nghệ thuật để làm rõ sự hô ứng, hòa quyện của hai phương tiện này trong cùng một (hoặc một nhóm) câu thơ. Việc triển khai bài sẽ thuận lợi hơn khi lần lượt phân tích theo trình tự các phần của tác phẩm thơ.

c. Lập dàn ý

Tổ chức, sắp xếp các ý đã tìm được ở trên thành một dàn ý chặt chẽ, hợp lí, gồm các phần:

- *Mở bài*: Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (nhân đề, tên tác giả) và nêu ý kiến chung về tác phẩm.

- *Thân bài*: Lần lượt phân tích các phần theo bố cục tác phẩm thơ:

+ Phần 1 (từ câu...đến câu...): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,...và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.

+ Phần 2 (từ câu...đến câu...): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,...và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.

+...

Ngoài cách phân tích tác phẩm theo bố cục, có thể phân tích theo lần lượt đi từ nội dung đến hình thức nghệ thuật hoặc ngược lại.

- *Kết bài*:

Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ.

2. Viết bài

Việc thực hiện bài viết đòi hỏi triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý. Mỗi ý trong phần Thân bài nên được viết thành một đoạn văn. Khi viết, lựa chọn những từ ngữ chính xác, phù hợp, thể hiện được quan điểm và tình cảm của người viết, tránh sử dụng những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì. Nên sử dụng hiệu quả các thông tin ngoài tác phẩm (nếu có), giúp cho việc phân tích các giá trị của tác phẩm được rõ ràng, nổi bật hơn.

Lưu ý: Với trường hợp tác phẩm thơ dài, có thể trích dẫn ở mỗi phần những câu thơ, đoạn thơ quan trọng và phân tích sâu. Tùy điều kiện, thời gian làm bài đề có cách xử lí thích hợp.

Bài viết tham khảo

Đã từ lâu, tình bạn đã được đề cập đến trong các tác phẩm văn học. Nguyễn Khuyến là nhà văn sở hữu số lượng lớn các bài thơ mang chủ đề rất quen thuộc trong đời sống hàng ngày như thế. Nếu như trong *Bạn đến chơi nhà*, ông dùng giọng văn hóm hỉnh, khôi hài để nói về tình bạn không màng vật chất, thì sang bài thơ *Khóc Dương Khuê*, giọng thơ đã thay đổi hẳn. Cả bài

thơ như tiếng khóc nấc lên trong sự buồn bã của Nguyễn Khuyến khi đến đám tang của người bạn Dương Khuê. Đặc biệt trong 16 câu thơ cuối:

*“Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày.*

...

*Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!”*

Nỗi xót thương cho người bạn quá cố càng được thể hiện đậm nét.

Nguyễn Khuyến xuất thân là nhà nho, có tài văn chương, đỗ đầu cả ba kỳ thi nên còn được gọi là Tam Nguyên Yên Đổ. Ông thường viết về gia đình, bạn bè, quê hương và châm biếm bọn thực dân. Bài thơ Khóc Dương Khuê ban đầu được viết bằng chữ Hán, sau được Nguyễn Khuyến dịch lại bằng chữ Nôm. Dương Khuê là bạn của Nguyễn Khuyến, mặc dù kém tuổi nhưng Dương Khuê cũng đỗ chức tước cao, trở thành tri âm của Nguyễn Khuyến. Mười sáu câu thơ cuối là nỗi đau đáu, thương xót của Nguyễn Khuyến trước sự ra đi đột ngột của bạn.

Hai câu thơ mở đầu được nhà thơ viết bằng giọng văn khôi hài, nhưng chua xót, bộc lộ sự đau lòng của ông:

*“Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày.”*

Quả thật, Nguyễn Khuyến hơn Dương Khuê bốn tuổi, nhưng Nguyễn Khuyến vẫn gọi Dương Khuê bằng giọng thân mật “tôi - bác”. Câu thơ “đau trước bác mấy ngày” sử dụng biện pháp ẩn dụ, ý chỉ sự ra đi của Dương Khuê quá đột ngột, khiến tác giả không thôi giật mình và đau đớn.

Trong bốn câu thơ tiếp theo, nhà thơ tiếp tục mạch cảm xúc trầm lắng, đau thất lòng:

*“Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.
Ai chẳng biết chán đời là phải,
Sao vội vàng mà mãi lên tiên.”*

Tác giả sử dụng biện pháp nói giảm, nói tránh và biện pháp nói quá rất khéo léo, ý nhị. Để chỉ sự ra đi của người bạn thân, ông dùng những từ “vội về ngay”, “chán đời”, “vội vàng”, “lên tiên”, với mục đích để giảm đi sự đau thương, nhưng sao câu thơ vẫn đau bội phần như vậy. Nói tránh đi sự ra đi của bạn, Nguyễn Khuyến phóng đại nỗi đau của mình “chân tay rụng rời”. Chắc hẳn, vì quá bất ngờ, ông đã không

kìm được cảm xúc mà suy sụp, đau như “*chân tay rụng rời*”.

Trước kia, tất cả những thú vui trên cõi đời đều có ông và Dương Khuê hưởng thụ. Nhưng nay, những niềm vui đó bỗng trở nên chán chường, vô nghĩa bởi đã mất bạn rồi:

*“Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa;
Giường kia treo cũng hững hờ,
Đàn kia gảy cũng ngán ngơ tiếng đàn.”*

Rượu luôn là thức uống yêu thích của thi nhân, thế nên mới có thi tửu. Nhưng rượu chỉ ngon khi được uống cùng bạn hiền. Biện pháp điệp từ “*không*” ba lần liên tiếp trong một câu thơ như nhân lên ba lần sự vô vị, không ham muốn thi tửu của Nguyễn Khuyến khi không có bạn. Hôm nay không mua rượu, không phải do không có tiền, mà là do không còn tri âm.

Bài thơ vẫn còn dang dở, chưa viết xong, bởi với ông, mất bạn rồi thì còn ai để đọc. Một lần nữa, biện pháp điệp ngữ lại xuất hiện, điệp từ “*ai*” và “*đưa*” hai lần, kết hợp với biện pháp chơi chữ “*viết đưa ai*” - “*ai biết mà đưa*”. Đây như một vòng luẩn quẩn, viết xong cũng không biết đưa cho ai, mà cũng không có ai để đưa. Mất đi Dương Khuê, Nguyễn Khuyến gần như mất đi cả một người đọc tri kỉ của mình.

Các sự vật tạo niềm vui khác như giường, đàn cũng mất đi sự sống, trở nên “*hững hờ*” và “*ngán ngơ*”. Đây là hai từ láy rất đặc sắc trong đoạn thơ, đồng thời là hai từ ngữ nhân hóa, khiến các sự vật tưởng như vô cảm ấy cũng đang hòa dần với nỗi đau mất mát bạn của nhà thơ. Sau cùng, thú vui để thưởng ngoạn với bạn, mất bạn rồi, thú vui cùng dần trở thành nỗi buồn sâu lắng.

Đau đớn là vậy, xót thương là vậy, nhưng Nguyễn Khuyến cũng đành chấp nhận sự thật rằng bạn đã đi xa:

*“Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lạy nhớ làm thương.
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lạy hai hàng chứa chan!”*

Nguyễn Khuyến trách móc, hờn dỗi bạn khi “*Bác chẳng ở đâu van chẳng ở*”. Đây là một điều vô lý nhưng hết sức hợp lý. Vô lý bởi Dương Khuê mất do tuổi già, nên cho dù nhà thơ có trách móc, van nài thì Dương Khuê cũng

	<p>đầu thể nghe thấy được. Nhưng hợp lý là bởi, Nguyễn Khuyến quá nhớ thương Dương Khuê, mong muốn bạn ở lại với mình, nên mới buông lời mà trách nhẹ nhàng thế.</p> <p>Mãi đến tận cuối bài thơ, ta mới thấy xuất hiện giọt nước mắt của nhà thơ. Nhưng sao giọt nước mắt ấy lại “<i>như sương</i>”, mà còn phải “<i>ép</i>” mới ra? Đọc đến đây, ta chợt nhớ lại giọt nước mắt cũng phải “<i>ép</i>” mới ra của Lão Hạc trong tác phẩm của Nam Cao. Một phần cũng là do tuổi cao nên khó chảy nước mắt. Nhưng phần nhiều, do lão quá đau khổ vì mất cậu Vàng, nên không thể khóc thành dòng được nữa. Cũng như vậy, Nguyễn Khuyến cũng nói một phần do “<i>tuổi già</i>”, nhưng thật ra, sâu trong thâm tâm, ông đau lòng đến độ thật khó để có “<i>hai hàng chứa chan</i>”. Nước mắt chảy ngược vào trong, như thể ông đang “nuốt” cái thương bạn vào trong bụng.</p> <p>Bằng những câu thơ sử dụng ngôn ngữ bình dân mộc mạc, gần gũi, từng câu thơ chất chứa cảm xúc mãnh liệt, sử dụng tài tình biện pháp nhân hóa, phép điệp ngữ, biện pháp so sánh, Nguyễn Khuyến đã bộc lộ lòng thương bạn, đau đớn muôn phần khi mất bạn, nhưng đồng thời cũng thể hiện thái độ chấp nhận sự thật. Đọc bài thơ, ta càng thêm trân trọng hơn những tình bạn đẹp đẽ, trong sáng giữa đời thường.</p> <p>3. Chỉnh sửa bài viết</p> <p>- Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát và dàn ý đã lập, rà soát các phần chỉnh sửa. Việc chỉnh sửa có thể thực hiện theo gợi ý sau</p>
IV TRẢ BÀI	
<p>Mục tiêu: Giúp HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thấy được ưu điểm và tồn tại của đoạn văn. - Chỉnh sửa đoạn văn cho mình và cho bạn. <p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc nhóm. <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Tổ chức thực hiện</p>	<p>Sản phẩm</p>
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm <p>B3: Báo cáo thảo luận</p>	<p>Đoạn văn đã được sửa của HS</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. - HS nhận xét bài viết. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <p>Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát và dàn ý đã lập, rà soát các phần chỉnh sửa.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Yêu cầu</th><th>Gợi ý chỉnh sửa</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Kiểm tra việc triển khai dàn ý</td><td> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát xem đã triển khai đầy đủ các ý chưa, nếu thiếu thì phải bổ sung. - Rà soát xem bài viết đã phân tích các giá trị nội dung và nghệ thuật (đặc biệt là đã khai thác những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát) của tác phẩm chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung. - Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Nếu chưa cân đối thì cần điều chỉnh. </td></tr> <tr> <td>Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt.</td><td>Chỉnh sửa các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn và văn bản (nếu có).</td></tr> </tbody> </table>		Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa	Kiểm tra việc triển khai dàn ý	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát xem đã triển khai đầy đủ các ý chưa, nếu thiếu thì phải bổ sung. - Rà soát xem bài viết đã phân tích các giá trị nội dung và nghệ thuật (đặc biệt là đã khai thác những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát) của tác phẩm chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung. - Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Nếu chưa cân đối thì cần điều chỉnh. 	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt.	Chỉnh sửa các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn và văn bản (nếu có).
Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa						
Kiểm tra việc triển khai dàn ý	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát xem đã triển khai đầy đủ các ý chưa, nếu thiếu thì phải bổ sung. - Rà soát xem bài viết đã phân tích các giá trị nội dung và nghệ thuật (đặc biệt là đã khai thác những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát) của tác phẩm chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung. - Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Nếu chưa cân đối thì cần điều chỉnh. 						
Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt.	Chỉnh sửa các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn và văn bản (nếu có).						
<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. - <i>Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.</i> 							

*** Hướng dẫn học bài:**

- Về nhà các em hoàn thành nốt bài viết vào vở.
- Tiết sau các em sẽ học tiết : Đọc mở rộng các em về tìm đọc trước.

TIẾT : NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LÚA TUỔI (ĐƯỢC GỢI RA TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi gợi mở: VB <i>Chinh phụ ngâm</i> (nguyên tác của Đặng Trần Côn, bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?)) đề cập đến hiện tượng xã hội nào? Em suy nghĩ như thế nào về hậu quả của hiện tượng này? - GV yêu cầu 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. - GV dẫn dắt vào bài. 	HS trả lời câu hỏi.	Chia sẻ của HS.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết được yêu cầu của hoạt động thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gọi ra từ tác phẩm văn học).

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu yêu cầu của hoạt động thảo luận.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi: <i>Theo em, khi thảo luận, người nói và người nghe cần đảm bảo những yêu cầu gì?</i>	HS trao đổi, trả lời câu hỏi.	I. Một số lưu ý khi thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề thảo luận, đảm bảo quy định về thời gian, tuân thủ sự điều hành của người chủ trì. - Tham gia đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện. - Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác. - Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện phiếu học tập, trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV hướng dẫn và yêu cầu HS thực hiện các nội dung đã nêu trong phần <i>Trước khi thảo luận</i> trong SGK, tr. 58 – 59 trước khi đến lớp để chuẩn bị cho buổi thảo luận.	- HS trình bày kết quả làm việc ở nhà.	II. Tiến hành thảo luận 1. Trước khi thảo luận <p>Kết quả chuẩn bị trước khi thảo luận của HS.</p>
Trong khi HS thảo luận, GV có vai trò bao quát chung. Việc điều hành buổi thảo luận GV giao cho một HS đã được phân công làm người chủ trì chịu trách nhiệm điều hành. Tuy	- HS thảo luận trong nhóm/ lớp.	1. Thảo luận <ul style="list-style-type: none"> - Người chủ trì nêu đề tài thảo luận và điều phối việc phát biểu ý kiến của các thành viên tham gia thảo luận. - Người phát biểu cần tập trung vào trọng tâm của vấn đề và thể hiện rõ quan điểm của cá nhân. Các thành viên còn lại theo dõi

nhiên, GV cần theo dõi các bước tiến hành và nắm bắt thực tế cuộc thảo luận của HS để hỗ trợ, điều chỉnh khi cần thiết.		để nắm được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi và trình bày lại được nội dung đó (nếu được yêu cầu). Các khía cạnh của vấn đề phải được thảo luận thấu đáo, bàn luận từ nhiều góc nhìn khác nhau, có liên hệ với các chi tiết, nhân vật, vấn đề được đặt ra trong tác phẩm văn học được chọn. Người phát biểu sau cần nắm rõ ý kiến của người phát biểu trước đó, thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến ấy. - Người chủ trì theo dõi, tổng hợp các ý kiến để đưa ra kết luận. Có thể khẳng định những điểm đồng thuận của các ý kiến hoặc những khía cạnh còn tồn tại các quan điểm khác nhau.
- GV chủ trì việc đánh giá sau khi buổi thảo luận kết thúc. GV gợi ý các câu hỏi đánh giá: <i>? Vấn đề nêu lên để thảo luận có ý nghĩa như thế nào?</i> <i>? Các ý kiến thảo luận đã làm rõ những khía cạnh nào của vấn đề? Những khía cạnh nào cần tiếp tục suy nghĩ? Các ý kiến thảo luận đã đáp ứng yêu cầu về nội dung và cách trình bày chưa?</i> <i>? Cách sử dụng kết hợp ngôn ngữ nói, ngôn ngữ cơ thể (nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...) và các phương tiện hỗ trợ; cách tổ chức, điều hành buổi thảo luận đã phù hợp chưa?</i>	HS trả lời câu hỏi.	3. Đánh giá - Kết quả đánh giá của HS sau khi thảo luận.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ thảo luận trong nhóm/ lớp.

2. Nội dung hoạt động

HS tự thực hiện video clip phỏng vấn.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau:	HS thực hiện	Video clip phỏng

Tạo một video clip ngắn (từ 5 – 7 phút) phỏng vấn một số người bạn của em để thu thập thêm những ý kiến khác nhau về một vấn đề xã hội mà em quan tâm.	video clip phỏng vấn theo yêu cầu.	vấn đạt yêu cầu về nội dung và hình thức.
--	------------------------------------	---

II. Củng cố, mở rộng

1. Mục tiêu

HS củng cố, mở rộng những kiến thức, kĩ năng đã học trong bài.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân câu hỏi 1 (làm ở nhà).	HS hoàn thành câu hỏi.	Câu hỏi 1 Hãy nêu những điểm chung trong tâm trạng của người chinh phu (<i>Chinh phụ ngâm</i>) và khách tha hương (<i>Tiếng đàn mưa</i>) và nêu tác dụng: - Về tính chất: đều đượm buồn. - Về nguyên nhân: đều phải xa đối tượng mình yêu quý (người chinh phụ phải xa người chinh phu; người khách tha hương không được đứng trên mảnh đất quê hương mình). => Điểm chung đó cho thấy giá trị của những điều con người trân quý trong cuộc sống; nếu để lỡ mất những giá trị trân quý đó, con người ta có thể bị rơi vào tâm trạng buồn.
– GV cho HS thực hiện cá nhân câu hỏi 2 (làm ở nhà)	HS hoàn thành câu hỏi.	Câu hỏi 2 Thể thơ song thất lục bát có tác dụng gì trong việc thể hiện nỗi niềm và xúc cảm riêng tư của con người: => Sự kết hợp giữa thất ngôn và lục bát trong cùng một bài thơ tạo nên sự uyển chuyển, mềm mại, phù hợp để miêu tả những nỗi niềm tinh tế và sâu lắng của con người.
– GV cho HS thực hiện cá nhân câu hỏi 3 (làm ở nhà)	HS hoàn thành câu hỏi.	Câu hỏi 3 - Một số tác phẩm thơ song thất lục bát có nội dung đề cập tới hình tượng người phụ nữ: <i>Vợ chồng Ngâu</i> của Trần Tế Xương, <i>Khuê phụ thu hoài</i> của Phan Bội Châu, <i>Gửi người vợ miền Nam</i> của Nguyễn Bính,... - Sự giống nhau của thân phận người chinh phụ giữa hai tác phẩm.
– GV cho HS thực hiện cá nhân câu hỏi 3 (làm ở nhà)	HS hoàn thành câu hỏi.	Câu hỏi 4 Kết quả phân tích bài thơ song thất lục bát mà HS yêu thích.

III. THỰC HÀNH ĐỌC

NỖI SÀU OÁN

CỦA NGƯỜI CUNG NỮ

(Trích *Cung oán ngâm khúc*, Nguyễn Gia Thiều)

1. Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức đã học về thể thơ song thất lục bát và kỹ năng đọc hiểu thơ song thất lục bát theo đặc trưng thể loại để tự đọc hiểu VB *Nỗi sầu oán của người cung nữ*.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hành đọc ở nhà, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong buổi học tiếp theo.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hđ HS	Sản phẩm cần đạt
<p>- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ tự đọc VB ở nhà theo những lưu ý trong SGK. Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ (làm vào trong vở).</p> <p>Bước 1: Xác định những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát được thể hiện trong đoạn trích.</p>	<p>HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ (làm ở nhà).</p>	<p>1. Thể loại Nỗi sầu oán của người cung nữ - Văn bản Nỗi sầu oán của người cung nữ thuộc thể loại thơ song thất lục bát.</p> <p>2. Xuất xứ Nỗi sầu oán của người cung nữ - Văn bản trích trong Cung oán ngâm khúc</p> <p>3. Phương thức biểu đạt Nỗi sầu oán của người cung nữ - Phương thức biểu đạt: biểu cảm.</p> <p>4. Bố cục Nỗi sầu oán của người cung nữ - Phần 1 (bốn khổ thơ đầu): Cuộc sống tẻ nhạt của cung nữ đối lập với cảnh xa hoa tráng lệ ở nơi cung cấm. - Phần 2 (năm khổ thơ cuối): Cung nữ thất vọng nặng nề trong cảnh ngày ngóng đêm trông.</p> <p>5. Giá trị nội dung Nỗi sầu oán của người cung nữ - Đoạn trích là lời ai oán, than trách của người cung nữ khi phải sống cô đơn trong cung, không được nhà vua yêu mến và gặp phải những hiểm nguy luôn rình rập trong cung, đồng thời còn là nỗi mong muốn khắc khoải muốn thoát kiếp cung nữ. Qua bài thơ, tác giả thể hiện sự đau xót, đồng cảm cho số phận của những cô gái đẹp người, đẹp nét nhưng cuộc sống cô đơn, nhiều sóng gió, trắc trở.</p> <p>6. Giá trị nghệ thuật Nỗi sầu oán của người cung nữ- Bài thơ sử dụng thể thơ song thất lục bát, có sự đan xen giữa các cặp câu 7 tiếng và cặp câu lục bát</p>
<p>Bước 2: Phân tích nội dung của đoạn trích.</p>	<p>HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ (làm ở nhà).</p>	<p>2. Nội dung của đoạn trích – Nhận xét về nghệ thuật miêu tả không gian và thời gian _ Để làm nổi bật tình cảnh đáng thương của người cung nữ, tác giả Nguyễn Gia Thiều vô cùng khéo léo trong việc lựa chọn và tái hiện không gian và thời gian: + Về không gian: Đó là không gian cung cấm, không gian đầy khuôn khổ, tù túng của cung cấm hoàn toàn phù hợp trong việc diễn tả tâm trạng cô đơn, sầu tủi của người cung nữ, làm nổi bật lên tình cảnh đáng thương của những người phụ nữ này. Không gian cụ thể như: - Lầu đài nguyệt</p>

	<p>- Gác thừa lương</p> <p>- Phòng tiêu.</p> <p>+ Thời gian chảy trôi tuần hoàn, nổi bật nổi khác khoải của những người cung nữ, thời gian trôi cũng cuốn theo tuổi xuân, khát khao tuổi trẻ để họ trợ trợ với nỗi thất vọng cùng cực.</p> <p>Cách dùng những hình ảnh so sánh trong đoạn trích có gì đặc sắc?</p> <p>_ Để làm nổi bật tình cảnh éo le, đáng thương của người cung nữ, tác giả Nguyễn Gia Thiều đã sử dụng nhiều hình ảnh so sánh độc đáo.</p> <p>+ Trước hết, người cung nữ tự bộc bạch nỗi lòng cô đơn, đau khổ của mình khi sống ở cung cấm. Những người cung nữ chỉ mong một lần được vua nhìn đến, một lần được hưởng hạnh phúc, tình yêu như những người phụ nữ bình thường. Nhưng vua chúa có biết bao nhiêu giai nhân bên cạnh, bao giờ mới có thể nhìn đến những con người nhỏ bé như những người cung nữ. Người cung nữ trong bài thơ này đã so sánh mình như một bông hoa đẹp, nhưng bị lãng quên nên trở nên xơ xác, điêu tàn</p> <p>“Hoa này bướm nở thờ ơ Để gầy bông thắm, để xơ nhụy vàng”</p> <p>_ Cuộc sống nơi cung cấm khiến những người cung nữ ý thức sâu sắc được sự tàn phá khủng khiếp của nỗi cô đơn sầu muộn, nó có thể “giết” con người ta trong đau đớn, tuyệt vọng nhất:</p> <p>“Giết nhau chẳng cái lưu cầu Giết nhau bằng cái u sầu, độc chưa?”</p> <p>+ Bài thơ không chỉ là sự bày tỏ nỗi niềm cô đơn sầu muộn của người cung nữ mà còn là sự thể hiện những bức bối, khát khao hành động phá vỡ những khuôn khổ chật hẹp tù túng đó. Nguyễn Gia Thiều đã thể hiện khát vọng ấy của người cung nữ thông qua một sự so sánh đầy táo bạo, mạnh mẽ:</p> <p>“Dang tay muốn dứt tơ hồng Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra”</p> <p>Phân tích nghệ thuật sử dụng từ ngữ để thể hiện tâm trạng nhân vật.</p> <p>_ Tác giả Nguyễn Gia Thiều vô cùng linh hoạt trong việc sử dụng ngôn ngữ nhằm biểu đạt được sâu sắc nhất tình cảnh đáng thương, tâm trạng sầu muộn, u ám của người cung nữ:</p> <p>+ Tác giả dùng những từ ngữ Hán Việt để khắc họa lại khung cảnh nơi cung cấm.</p> <p>+ Đưa vào thơ những điển tích, điển cố của Trung Hoa để làm nổi bật tình cảnh đáng thương của người cung nữ.</p> <p>+ Ngôn ngữ bình dân, thông tục để nói lên những bức bối, khát khao giải phóng đầy tính bản năng của</p>
--	---

		<p>người cung nữ.</p> <p>_ Những ngôn ngữ mà tác giả sử dụng có tính đa nghĩa, gợi cảm mạnh mẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chơi hoa cho rửa nhụy dần lại thôi + Gương loan bẻ nửa, dài đồng xé đôi + Đẻ gầy bông thắm, đẻ xơ nhụy vàng <p>Chỉ ra diễn biến tâm trạng của người cung nữ trong đoạn trích</p> <p>Tâm trạng của người cung nữ cũng có sự biến chuyển theo thời gian:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lúc đầu tâm trạng thất vọng, chán chường + Tâm trạng bế tắc, u uẩn + Buồn thương đến quần quai, tức tối + Tuyệt vọng, uất hận muốn phá tan khuôn khổ của cung cấm để tìm tự do cho mình. <p>Thân phận bi thảm của người phụ nữ được phản ánh như thế nào?</p> <p>_ Người cung nữ sống trong cung cấm nhiều luật lệ hà khắc, lại thường xuyên phải đối mặt với những trò tiêu nhân tranh đấu giữa những cung nữ trong cung cấm. Những cung nữ bé nhỏ chỉ có thể khắc khoải chờ mong từ ngày này qua tháng khác. Nhưng hi vọng ấy quá mong manh, chẳng thể thành hiện thực, họ phải chôn vùi tuổi xuân, bao khát khao hạnh phúc nơi cung cấm.</p> <p>_ Ở đây, họ chết dần chết mòn không phải là sự hủy diệt của đao kiếm, chiến tranh mà họ chết dần bởi sự tra tấn của nỗi cô đơn, của những nỗi tuyệt vọng trong đau đớn mà không ai có thể hiểu nổi.</p>
Bước 3: Tìm hiểu một số nét đặc sắc về nghệ thuật được thể hiện trong đoạn trích.	HS làm việc cá nhân	<p>3. Một số nét đặc sắc về nghệ thuật được thể hiện trong đoạn trích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ giàu nhạc tính. - Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc. <p>Thể thơ song thất lục bát uyển chuyển, nhịp nhàng, mềm mại.</p>